

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Kim Đối 1	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 33"	106° 39' 20"					F-48-82-A-d		
thôn Kim Đối 2	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 52"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d		
thôn Kim Đối 3	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 12"	106° 39' 24"					F-48-82-A-d		
thôn Tam Kiệt	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 48"	106° 39' 56"					F-48-82-A-d		
thôn Văn Cao	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 58"	106° 38' 34"					F-48-82-A-d		
thôn Văn Hoà	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 38' 56"					F-48-82-A-d		
chợ Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 39"	106° 39' 02"					F-48-82-A-d		
chùa Kim Đối 3	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 23"	106° 39' 35"					F-48-82-A-d		
chùa Kim Đối I	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 38"	106° 39' 18"					F-48-82-A-d		
chùa Ngọc Long	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 29"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d		
chùa Quỳnh Hoa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 02"	106° 39' 49"					F-48-82-A-d		
chùa Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 06"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d		
chùa Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 25"	106° 38' 57"					F-48-82-A-d		
đình Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 53"	106° 38' 39"					F-48-82-A-d		
đình Văn Hoà	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 22"	106° 38' 59"					F-48-82-A-d		
Đò Song	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 30"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d		
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d		
Đường tỉnh 363	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d		
Trường Tiểu học Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 16"					F-48-82-A-d		
Trường Trung học cơ sở Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d		
từ đường họ Đặng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 35"	106° 39' 01"					F-48-82-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Thôn 1	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 38' 29"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 58"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 50"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 37"	106° 38' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 38' 07"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 33"	106° 38' 35"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-C-b
chợ Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
chùa Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 08"					F-48-82-C-b
cổng Đồng Thèo	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 01"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
cổng Hoà Bình	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 15"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
đình Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 18"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Sỹ	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Cốc Liễn 1	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 53"	106° 41' 37"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Liên 2	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 01"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 41' 15"					F-48-82-A-d
thôn Tân Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 18"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
thôn Thấp Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 26"	106° 41' 32"					F-48-82-A-d
thôn Thọ Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
thôn Thủ Du	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 50"	106° 41' 07"					F-48-82-C-b
thôn Vũ Vị	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 41' 00"					F-48-82-A-d
chùa Cốc Liên	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 54"	106° 41' 32"					F-48-82-C-b
đình Cốc Liên	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 41' 33"					F-48-82-C-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 14"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 12"	106° 41' 19"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Đại Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 21"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Đồng Rời	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 40' 45"						F-48-82-C-b	
thôn Dương Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 40' 30"						F-48-82-C-b	
thôn Hoà Nhất	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 43"	106° 41' 02"						F-48-82-C-b	
thôn Tiền Anh	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 35"	106° 41' 00"						F-48-82-C-b	
Thôn Trúc	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 40' 34"						F-48-82-C-b	
chùa Cổ Trai	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 58"	106° 40' 15"						F-48-82-C-b	
khu tưởng niệm Vương triều Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 57"	106° 40' 27"						F-48-82-C-b	
Trường Tiểu học Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 28"	106° 40' 45"						F-48-82-C-b	
Trường Trung học cơ sở Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 29"	106° 40' 42"						F-48-82-C-b	
từ đường họ Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 22"	106° 40' 34"						F-48-82-C-b	
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"		F-48-82-C-b	
kênh trục chính sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"		F-48-82-C-b	
thôn Mai Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 48"	106° 36' 40"						F-48-82-C-a	
thôn Nghi Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 38"						F-48-82-C-b	
thôn Xuân Chiếng	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 19"						F-48-82-C-a	
thôn Xuân Đoài	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 09"	106° 36' 55"						F-48-82-C-a	
thôn Xuân Đồng	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 37' 16"						F-48-82-C-a	
Xóm Trại	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 37' 05"						F-48-82-C-a	
bến đò Sáu	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 42' 44"	106° 36' 37"						F-48-82-C-a	
chùa Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 36' 43"						F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
chùa Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 08"						F-48-82-C-a	
đền Chùa Mỗ	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 14"	106° 37' 50"						F-48-82-C-b	
đình Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 53"	106° 36' 43"						F-48-82-C-a	
đình Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 22"	106° 37' 16"						F-48-82-C-a	
đình Xuân Đoài	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 04"	106° 36' 47"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 27"						F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 59"	106° 37' 35"						F-48-82-C-b	
sông Văn Úc	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"		F-48-82-C-a, F-48-82-C-b	
thôn Kính Trục	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 16"	106° 43' 36"						F-48-82-C-b	
thôn Lão Phong 1	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 41' 57"						F-48-82-C-b	
thôn Lão Phong 2	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 42' 20"						F-48-82-C-b	
thôn Lão Phú	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 42' 36"						F-48-82-C-b	
thôn Thái Lai	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 42' 13"						F-48-82-C-b	
chùa Hàm Long	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 01"	106° 42' 08"						F-48-82-C-b	
Đám Bầu	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 11"	106° 43' 15"						F-48-82-C-b	
đền Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 42' 01"						F-48-82-C-b	
đình Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 35"	106° 42' 09"						F-48-82-C-b	
Đường tỉnh 361	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"		F-48-82-C-b	
miếu Kính Trục	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 06"	106° 42' 53"						F-48-82-C-b	
nhà thờ Lão Phú	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 32"	106° 42' 33"						F-48-82-C-b	
Trường Tiểu học Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 42' 13"						F-48-82-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
thôn Đa Ngự	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 04"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 42"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
thôn Kỳ Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 05"	106° 39' 22"					F-48-82-C-b
thôn Ngọc Tỉnh	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 54"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 38"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 39' 28"					F-48-82-C-b
chùa Ngọc Tỉnh	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 52"	106° 39' 27"					F-48-82-C-b
đình Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 45"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
đình Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 08"	106° 39' 23"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
phà Dương Áo	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 41' 23"	106° 39' 18"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 41"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Duy	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 39"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường, làng tổ họ Đoàn Đắc	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 39' 49"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Cẩm Hoàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 40' 07"						F-48-82-C-b	
thôn Cẩm La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 43"						F-48-82-C-b	
thôn Xuân La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 59"	106° 39' 41"						F-48-82-C-b	
chùa Bà Sét	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 55"	106° 40' 13"						F-48-82-C-b	
chùa Linh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 48"	106° 39' 27"						F-48-82-C-b	
chùa Vĩnh Khánh	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 38"	106° 39' 36"						F-48-82-C-b	
đình Cẩm Hoàn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 46"	106° 40' 09"						F-48-82-C-b	
đình Cẩm La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 27"	106° 39' 43"						F-48-82-C-b	
đình Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 05"	106° 39' 39"						F-48-82-A-d	
Đường tỉnh 362	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"		F-48-82-C-b	
Đường tỉnh 363	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"		F-48-82-A-d	
Trường Tiểu học Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 39' 48"						F-48-82-C-b	
Trường Trung học cơ sở Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 51"	106° 39' 47"						F-48-82-C-b	
văn miếu Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 13"	106° 39' 47"						F-48-82-C-b	
Núi Chè	SV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 30"						F-48-82-C-b	
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"		F-48-82-C-b	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"		F-48-82-C-b	
thôn Hoà Liễu	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 38' 31"						F-48-82-A-d	
thôn Úc Gián	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 25"	106° 37' 46"						F-48-82-A-d	
thôn Xuân Úc	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 59"	106° 37' 43"						F-48-82-A-d	
chùa Hoà Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"						F-48-82-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Úc Giác	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 22"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
chùa Xuân Úc	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 08"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
đền Hoà Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"					F-48-82-A-d
Đò Vọ	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 47' 05"	106° 37' 54"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 405	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 406	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 45' 44"	106° 38' 18"	20° 44' 18"	106° 37' 58"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 05"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 07"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
thôn Phương Đồi	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 38' 53"					F-48-82-A-d
thôn Quế Lâm	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 17"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
thôn Trà Phương	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 41"	106° 39' 07"					F-48-82-C-b
chùa Phương Đồi	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 38' 47"					F-48-82-A-d
chùa Quế Lâm	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 39' 25"					F-48-82-C-b
chùa Trà Phương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 43"	106° 38' 54"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 362	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 363	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 33"	106° 38' 57"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 36"	106° 38' 55"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Thuy Hương	KX	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 38"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
Núi Chè	SV	xã Thuy Hương	H. Kiến Thuy	20° 44' 44"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 06"	106° 42' 58"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 14"	106° 43' 03"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 04"	106° 43' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 05"	106° 43' 12"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 52"	106° 43' 20"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 49"	106° 43' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 15"	106° 43' 49"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 23"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-C-b
Bệnh viện Kiến Thuy	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 54"	106° 43' 34"					F-48-82-C-b
chùa Đại Tâm	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 03"	106° 43' 47"					F-48-82-C-b
chùa Đại Thống	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 44"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
chùa Đại Vĩnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 43' 20"	106° 43' 46"					F-48-82-C-b
cổng Cầu Đen	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy	20° 42' 46"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thuy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Quan Đền Tảo	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
miếu Tân Khánh Điện	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 22"					F-48-82-C-b
miếu Vua Bà	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 26"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 1)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 59"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 2)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 44"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 1	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 43' 37"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 2	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 53"	106° 43' 39"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đức Cảnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 48"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Chiến Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 26"	106° 45' 04"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 18"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Long	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 11"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Tôn	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 31"	106° 44' 33"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Phương Hoàng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 44' 25"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Hùng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 43' 37"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tâm	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 43"	106° 44' 12"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 04"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Thành	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 57"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tiến	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 34"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Thắng Lợi	DC	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 44' 47"					F-48-82-A-b
cầu Trảng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
chợ Trảng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
Công ty cổ phần Hoá chất Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 55"	106° 43' 53"					F-48-82-A-b
Công ty liên danh Xi măng Chinfon	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 37"	106° 45' 30"					F-48-82-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Phà Rừng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 11"	106° 44' 34"					F-48-82-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 45' 26"					F-48-82-B-a
Cụm di tích Trảng Kênh Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 53"	106° 45' 40"					F-48-82-B-a
đền Trần Quốc Bảo	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 25"	106° 44' 42"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Hoàng Tôn	SV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 44' 40"						F-48-82-A-b	
núi Phượng Hoàng	SV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 54"						F-48-82-A-b	
núi Sa Gạc	SV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 43' 12"						F-48-82-A-b	
núi Thần Vĩ	SV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 43' 02"						F-48-82-A-b	
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"		F-48-82-A-b, F-48-82-B-a	
sông Bạch Đằng	TV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"		F-48-82-B-a	
Sông Liễu	TV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"		F-48-82-A-b, F-48-82-B-a	
Sông Thái	TV	T.T. Minh Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"		F-48-82-A-b, F-48-82-B-a	
tổ dân phố 25/10	DC	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 40' 14"						F-48-82-A-b	
tổ dân phố Bạch Đằng I	DC	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 40' 40"						F-48-82-A-b	
tổ dân phố Bạch Đằng II	DC	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 14"	106° 40' 39"						F-48-82-A-b	
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 56"	106° 40' 22"						F-48-82-A-b	
tổ dân phố Hàm Long	DC	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 40"						F-48-82-A-b	
chùa Hàm Long	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 38"						F-48-82-A-b	
đền Phò Mã	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 15"	106° 40' 32"						F-48-82-A-b	
Đình Thượng	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 37"						F-48-82-A-b	
Đường tỉnh 351	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"		F-48-82-A-b	
Đường tỉnh 359	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"		F-48-82-A-b	
Đường tỉnh 359C	KX	T.T. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"		F-48-82-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 40' 26"					F-48-82-A-b
núi Hàm Long	SV	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 06"	106° 40' 34"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	TT. Núi Đèo	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Bình	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 41' 32"					F-48-82-A-b
thôn An Hồ	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 49"	106° 41' 34"					F-48-82-A-b
thôn An Hoà	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Lập	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 30"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Lợi	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 47"					F-48-82-A-b
thôn An Nội	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Thắng	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Tiến	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 43"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Trại	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 24"	106° 41' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn Cây Đa	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 41' 57"					F-48-82-A-b
thôn Sáu Phiên	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 39"	106° 42' 07"					F-48-82-A-b
Thôn Sim	DC	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 41' 38"					F-48-82-A-b
chùa An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
đền An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 48"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở An Lư	KX	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 44"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
sông Ruột Lợn	TV	xã An Lư	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 07"	106° 34' 36"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 25"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 05"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 30"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 50"	106° 34' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 01"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 26"	106° 34' 06"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 57"	106° 33' 49"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 04"	106° 33' 35"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 09"	106° 33' 18"					F-48-70-C-c
Thôn 12	DC	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 38"	106° 33' 32"					F-48-82-A-a
chợ An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 15"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Cụm di tích Trại Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 17"	106° 33' 46"					F-48-70-C-c
đò Bến Đình	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 14"	106° 33' 40"					F-48-82-A-a
đò Bến Gác	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 50"	106° 33' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Sơn (Khu A)	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 34' 15"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học An Sơn (Khu B)	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 49"	106° 33' 55"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 04"					F-48-82-A-a
núi An Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 59"	106° 34' 26"					F-48-82-A-a
núi Trại Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Mầu	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
sông Kinh Thầy	TV	xã An Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 47"	106° 37' 01"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 53"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 03"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 20"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 36"	106° 37' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 43"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 31"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
chùa Nhân Lý	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 36' 37"					F-48-82-A-a
chùa Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
đình Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 36' 38"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 352	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu A)	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu B)	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 44"	106° 36' 47"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Cao Nhân	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 10"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Quang Trung	KX	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 39"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Sông Cẩm	TV	xã Cao Nhân	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 16"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 21"	106° 37' 22"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 37' 20"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 54"	106° 37' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 40"	106° 37' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 00"	106° 37' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 46"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 11	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 12	DC	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 41"	106° 37' 36"					F-48-82-A-a
cầu Minh Đức	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
chùa Linh Sơn Tự	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 33"					F-48-82-A-a
đình Hàn Cầu	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 41"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 13"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 50"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
núi Dương Chính	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 32"	106° 37' 40"					F-48-82-A-b
núi Giếng Tré	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
núi Núi Đồn	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 43"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
núi Sơn Đào	SV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 09"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
đập Minh Đức	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Áp Trần	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 41' 28"					F-48-82-A-b
thôn Bắc Vang	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 07"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b
thôn Bãi Cát	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 32"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
thôn Chân Lầm	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 23"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 38"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Dương Quan	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 18"	106° 41' 23"					F-48-82-A-b
thôn Lò Vôi	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 52' 51"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn Nam	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 06"					F-48-82-A-b
thôn Tây Giữa	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 56"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
thôn Tây Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 13"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
thôn Thầu Dầu	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 09"	106° 41' 19"					F-48-82-A-b
bến phà Máy Chai	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
chùa Tả Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 42"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Regina Miracle International Việt Nam	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 41' 11"					F-48-82-A-b
đền Tá Lan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 22"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
đình Tả Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 43"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
sông Ruột Lợn	TV	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 01"	106° 39' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 06"	106° 39' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 20"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Thôn 4	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 18"	106° 39' 27"						F-48-82-A-b	
Thôn 5	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 24"	106° 39' 33"						F-48-82-A-b	
Thôn 6	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 39' 54"						F-48-82-A-b	
Thôn 7	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 40"	106° 38' 48"						F-48-82-A-b	
Thôn 8	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 47"	106° 38' 31"						F-48-82-A-b	
Thôn Núi	DC	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 52"	106° 39' 23"						F-48-82-A-b	
đỉnh Thiên Đông	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 10"	106° 39' 17"						F-48-82-A-b	
đỉnh Trúc Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 43"	106° 38' 37"						F-48-82-A-b	
Đường tỉnh 359C	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"		F-48-82-A-b	
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"		F-48-82-A-b	
Trường Tiểu học Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 14"						F-48-82-A-b	
Trường Trung học cơ sở Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 15"						F-48-82-A-b	
từ đường họ Bùi	KX	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 23"						F-48-82-A-b	
núi Sơn Đào	SV	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"						F-48-82-A-b	
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Đông Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"		F-48-82-A-b	
Thôn 1	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 28"	106° 43' 37"						F-48-82-A-b	
Thôn 2	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 22"	106° 43' 53"						F-48-82-A-b	
Thôn 3	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 44' 23"						F-48-82-A-b	
Thôn 4	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 44' 23"						F-48-82-A-b	
Thôn 5	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 46"	106° 44' 44"						F-48-82-A-b	
Thôn 6	DC	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 42"	106° 44' 53"						F-48-82-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Già Cỏ	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 44' 56"					F-48-82-A-b
đình Làng Giá	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 50"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
giáo xứ Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 05"	106° 44' 31"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 44' 06"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-A-b
Núi Mã	SV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 43"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Sông Liễu	TV	xã Gia Đức	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Thôn 1	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 42' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 35"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 37"	106° 42' 30"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 20"	106° 43' 08"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 36"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
động Hang Lương	SV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 51"	106° 40' 43"					F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Sông Thái	TV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên				106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 07"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 46"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 53"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 03"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 32"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 18"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 02"	106° 41' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 03"	106° 41' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 13	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 04"	106° 41' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 14	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 06"	106° 40' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 15"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 16	DC	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 14"	106° 40' 22"					F-48-82-A-b
chùa Hà Phú	KX	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
Chùa Tranh	KX	xã Hoà Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đình Chiếm Phương	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 45"	106° 40' 49"					F-48-82-A-b		
đình Hà Luận	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b		
Đình Tranh	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b		
đình Từ Đông Môn	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b		
Đường tỉnh 359C	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b		
nghe Hà Phú	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b		
phủ Từ Đông Môn	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b		
Trường Tiểu học Hoà Bình 1	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 40' 56"					F-48-82-A-b		
Trường Tiểu học Hoà Bình 2	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 40' 53"					F-48-82-A-b		
Trường Trung học cơ sở Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 16"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b		
núi Hà Phú	SV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 08"	106° 40' 58"					F-48-82-A-b		
núi Sơn Đào	SV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b		
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Hoà Bình	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b		
thôn Bái Ngoài	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 17"	106° 39' 47"					F-48-82-A-b		
thôn Bái Trong	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 22"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b		
Thôn Chùa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 50"	106° 39' 27"					F-48-82-A-b		
thôn Cổng Đất	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 39' 42"					F-48-82-A-b		
thôn Đầm Dền	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 59"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b		
thôn Đầu Cầu	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 39' 35"					F-48-82-A-b		
thôn Đông Hoa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b		
thôn Đồng Quán	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 18"	106° 39' 16"					F-48-82-A-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Đường Đá	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 11"	106° 39' 37"					F-48-82-A-b		
Thôn Giữa	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 02"	106° 39' 31"					F-48-82-A-b		
thôn Lâu Làng	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 10"	106° 39' 39"					F-48-82-A-b		
thôn Lâu Trại	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 13"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b		
thôn Mỹ Cự	DC	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 29"	106° 39' 25"					F-48-82-A-b		
Cầu Bình	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b		
đình Bình Giáp Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 16"	106° 39' 26"					F-48-82-A-b		
Đường tỉnh 359	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b		
Trường Tiểu học Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 55"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b		
Trường Trung học cơ sở Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 56"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b		
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b		
Sông Cấm	TV	xã Hoa Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b		
Thôn 1	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 23"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b		
Thôn 2	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 28"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b		
Thôn 3	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b		
Thôn 4	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 44"	106° 37' 35"					F-48-82-A-b		
Thôn 5	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 10"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b		
Thôn 6	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 05"	106° 37' 42"					F-48-82-A-b		
Thôn 7	DC	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 09"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b		
chùa An Lạc	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b		
chùa Tiên Lữ	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 29"					F-48-82-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đền Hoàng Pha	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 04"	106° 37' 40"						F-48-82-A-b	
đình Lôi Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 33"	106° 37' 30"						F-48-82-A-a	
miếu Bến Dáy	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 49"	106° 37' 21"						F-48-82-A-a	
miếu Bến Đò	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 06"	106° 37' 46"						F-48-82-A-b	
Trường Tiểu học Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 52"						F-48-82-A-b	
Trường Trung học cơ sở Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 45"						F-48-82-A-b	
hồ Lôi Động	TV	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 35"	106° 37' 28"						F-48-82-A-a	
Sông Cấm	TV	xã Hoàng Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"		F-48-82-A-a, F-48-82-A-b	
Thôn 1	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 36' 35"						F-48-82-A-a	
Thôn 2	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 36' 23"						F-48-82-A-a	
Thôn 3	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 36' 16"						F-48-82-A-a	
Thôn 4	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 36' 17"						F-48-82-A-a	
Thôn 5	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 35' 38"						F-48-82-A-a	
Thôn 6	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 01"	106° 36' 02"						F-48-82-A-a	
Thôn 7	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 35' 49"						F-48-82-A-a	
Thôn 8	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 55"						F-48-82-A-a	
Thôn 9	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 29"	106° 35' 45"						F-48-82-A-a	
Thôn 10	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 36' 13"						F-48-82-A-a	
Thôn 11	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 28"	106° 36' 21"						F-48-82-A-a	
Thôn 12	DC	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 33"	106° 36' 18"						F-48-82-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Báo Phúc	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 33"					F-48-82-A-a
chùa Cảnh Linh	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 38"	106° 36' 03"					F-48-82-A-a
chùa Sùng Đức	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 23"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu A)	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 24"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu B)	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 31"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Hợp Thành	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 27"	106° 36' 08"					F-48-82-A-a
từ đường Ninh vương Mạc Phúc Tư	KX	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Hợp Thành	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 38' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 56"	106° 38' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 55"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
Thôn A2	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 22"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Giá	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 39' 19"					F-48-82-A-b
thôn Chu Vườn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 00"	106° 40' 05"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Mới	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 23"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 36"	106° 38' 19"					F-48-82-A-b
thôn Đình Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 32"	106° 38' 29"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Đình Vân	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 08"	106° 39' 40"						F-48-82-A-b	
thôn Đồng Phán	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 25"	106° 39' 23"						F-48-82-A-b	
Thôn Ngói	DC	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 11"	106° 39' 06"						F-48-82-A-b	
Cầu Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"						F-48-82-A-b	
Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 17"						F-48-82-A-b	
chợ Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 20"	106° 40' 02"						F-48-82-A-b	
chùa Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 39' 54"						F-48-82-A-b	
đền Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 18"						F-48-82-A-b	
Đền Nghè	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 38' 37"						F-48-82-A-b	
đình Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 06"	106° 39' 46"						F-48-82-A-b	
Đường tỉnh 359C	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"		F-48-82-A-b	
Quốc lộ 10	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"		F-48-82-A-b	
Trường Tiểu học Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 42"	106° 39' 29"						F-48-82-A-b	
Trường Trung học cơ sở Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 39' 44"						F-48-82-A-b	
Núi Đình	SV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 39' 48"						F-48-82-A-b	
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"		F-48-82-A-b	
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kênh Giang	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"		F-48-82-A-b	
Thôn 1	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 53"	106° 38' 09"						F-48-82-A-b	
Thôn 2	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 14"	106° 38' 08"						F-48-82-A-b	
Thôn 3	DC	xã Kiền Bái	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 37' 31"						F-48-82-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 4	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 32"	106° 37' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 15"	106° 37' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 29"	106° 38' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 41"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Cầu Kiên	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 54' 52"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
chợ Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 24"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Đền Mẫu	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 05"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Đình Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 23"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 21"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Kiên Bái	KX	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 27"	106° 37' 45"					F-48-82-A-b
Sông Cắm	TV	xã Kiên Bái	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 54"	106° 37' 04"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 59"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 17"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 12"	106° 35' 51"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 11"	106° 35' 47"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 55"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
chợ Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 04"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
đình Hạ Côi	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
đình Niêm Sơn Ngoại	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 52"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
đình Niêm Sơn Nội	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 352	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 16"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Lê Ích Mộc	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 35' 58"					F-48-82-A-a
núi Ba Phù	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
Núi Cháy	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 49"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
núi Chợ Giời	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
núi Đá Vách	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 08"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
núi Niêm Nội	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 11"	106° 36' 53"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 28"	106° 35' 11"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 34' 46"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 52"	106° 35' 57"					F-48-70-C-c
Thôn 4	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 34' 55"					F-48-70-C-c
Thôn 5	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 36"	106° 34' 42"					F-48-70-C-c
Thôn 6	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 35"	106° 35' 10"					F-48-70-C-c
Thôn 7	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 28"	106° 35' 15"					F-48-70-C-c
Thôn 8	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 19"	106° 35' 19"					F-48-70-C-c
Thôn 9	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 43"	106° 36' 07"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 40"	106° 36' 34"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 57"	106° 36' 18"					F-48-70-C-c
chùa Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 34' 37"					F-48-82-A-a
chùa Dương Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 35' 49"					F-48-70-C-c
chùa Phi Liệt	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 29"	106° 36' 36"					F-48-70-C-c
đình Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 42"	106° 34' 47"					F-48-82-A-a
đình Pháp Cổ	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 41"	106° 35' 05"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 352	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c
Phà Đụn	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 01' 15"	106° 36' 47"					F-48-70-C-c
Trường Tiểu học Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 46"	106° 36' 23"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 31"	106° 35' 41"					F-48-70-C-c
núi Ba Phù	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
núi Chợ Giời	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
Núi Đồn	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 36' 19"					F-48-70-C-c
Núi Thập	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 40"	106° 34' 46"					F-48-70-C-c
núi Trại Sơn	SV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c
sông Đá Bạc	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Máu	TV	xã Lại Xuân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
Thôn Đền	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
Thôn Hầu	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 30"					F-48-82-A-b
thôn Sú 1	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 01"	106° 38' 43"					F-48-82-A-b
thôn Sú 2	DC	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 53"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chùa Sùng Nguyên	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
đình Hoà Lạc	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 44"					F-48-82-A-b
Đò Lâm	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 54"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 44"	106° 38' 28"					F-48-82-A-b
hồ Lâm Động	TV	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Lâm Động	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b
thôn Bảo Kiếm	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 22"	106° 43' 55"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 48"	106° 44' 21"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Mới	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 33"	106° 44' 24"					F-48-82-A-b
thôn Đường Hương	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 50"	106° 43' 44"					F-48-82-A-b
thôn Đường Trường	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 22"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
thôn Lạch Sẻ	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 41"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
thôn Láng Cáp	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 10"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
thôn Mất Ròng	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 21"	106° 44' 03"					F-48-82-A-b
thôn Tân Lập	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 31"	106° 43' 41"					F-48-82-A-b
xóm Cống Sơn	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 59"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
xóm Đường Na	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 05"	106° 44' 43"					F-48-82-A-b
xóm Hậu Long	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 43' 40"					F-48-82-A-b
xóm Khóm Cây	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 53"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
xóm Song Đực	DC	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 18"	106° 43' 42"					F-48-82-A-b
cảng cá Mất Ròng	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 14"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
chợ xã Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 39"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 38"	106° 44' 17"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
sông Ruột Lợn	TV	xã Lập Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 08"	106° 39' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 40"	106° 39' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 39' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 36"	106° 39' 23"					F-48-70-C-d
Thôn 7	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 38"	106° 38' 37"					F-48-70-C-d
Thôn 8	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 38' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 56"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 35"	106° 38' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 23"					F-48-82-A-b
chợ Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 43"	106° 38' 45"					F-48-82-A-b
chùa Mai Động	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 37"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
chùa Thiêm Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 10"					F-48-82-A-b
đền Thụ Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 33"	106° 38' 33"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 39"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
núi Giếng Suối	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 29"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Núi Gù	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 17"	106° 39' 01"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mã Chàng	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
núi Ngã Ba	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 46"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
núi Thành Dền	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 37"	106° 37' 44"					F-48-70-C-d
Núi Treo	SV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 37"	106° 38' 13"					F-48-70-C-d
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Liên Khê	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-C-d
Thôn 1A	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 1B	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 53"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
thôn Cây Quân	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 36"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Tổng	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 05"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Thôn Dưới	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 25"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 17"	106° 39' 58"					F-48-82-A-b
thôn Phúc Nam	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 26"	106° 40' 21"					F-48-82-A-b
thôn Trại Viên	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 13"	106° 39' 51"					F-48-82-A-b
Thôn Trung	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 40' 18"					F-48-82-A-b
Cầu Giá	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Chợ Tổng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Thuỷ Nguyên	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 03"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 15"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 21"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Bạch Đằng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 59"	106° 40' 17"					F-48-82-A-b
núi Mã Chàng	SV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Bạch Đằng	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 21"	106° 40' 32"					F-48-70-C-d
thôn Đá Bạc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 17"	106° 40' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hàm Long	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 58"	106° 40' 02"					F-48-82-A-b
thôn Hang Lương	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 53"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
thôn Núi Ngọc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 23"	106° 39' 38"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 46"	106° 40' 10"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đá Bạc	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thuỷ Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d
Thôn 1	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 30"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 41"	106° 42' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 57"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 56"	106° 41' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 46"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 52"	106° 41' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 17"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 12"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 02"	106° 42' 27"					F-48-82-A-b
Chợ Bến	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 45"	106° 41' 16"					F-48-82-A-b
chùa Dăng Trung	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 54"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Chùa Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
Đình Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
đò Trung Hà	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 51"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 58"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
hang Áng Vải	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 42' 22"					F-48-82-A-b
Hang Vua	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 59"	106° 42' 04"					F-48-82-A-b
núi Dẹo Cao	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 48"	106° 42' 47"					F-48-82-A-b
núi Hang Ốc	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 32"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngà Voi	SV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 51"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên				106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Sông Thái	TV	xã Minh Tân	H. Thuỷ Nguyên				106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 44"	106° 38' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 37' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 37' 36"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
chợ Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 21"	106° 37' 48"					F-48-82-A-b
chùa Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
chùa Ngọc Hoa	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 44"					F-48-82-A-b
đình Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
đình Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
miếu Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 25"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
từ đường họ Nguyễn Công	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 30"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Mỹ Đồng	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 41"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 2	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 32"	106° 44' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 40"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 44' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 33"	106° 43' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 28"	106° 43' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 24"	106° 43' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 20"	106° 43' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 43' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 11"	106° 42' 58"					F-48-82-A-b
Thôn 13	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 50"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 14	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 49"	106° 44' 22"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 39"	106° 43' 15"					F-48-82-A-b
chùa Mỹ Sơn	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 36"	106° 44' 00"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 38"	106° 43' 51"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 29"	106° 43' 26"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 35"	106° 43' 22"					F-48-82-A-b
núi Chùa Khuông Lư	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 44"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 37"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Hương	SV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 53"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Ngũ Lão	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 44' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 16"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 15"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 59"	106° 44' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 47"	106° 44' 34"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 45' 15"					F-48-82-B-a
chợ xã Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 20"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
miếu Thành Hoàng	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 57"	106° 44' 45"					F-48-82-A-b
Trường Mầm non Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 17"	106° 44' 19"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 01"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Phả Lễ	KX	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 13"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Phả Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
thôn Ngọc Khê	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 39"	106° 35' 17"					F-48-82-A-a
thôn Phó Mới	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 42"	106° 35' 46"					F-48-82-A-a
thôn Phù Lưu 1	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 59' 03"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
thôn Phù Lưu 2	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 58"	106° 35' 23"					F-48-82-A-a
thôn Việt Khê	DC	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 34"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
cầu Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 37"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
chùa Linh Sơn và địa điểm khảo cổ mộ thuyền Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 46"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thiên Vũ	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 55"	106° 34' 58"					F-48-82-A-a
đình Việt Khê	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 30"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Phù Ninh (Khu A)	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 55"	106° 35' 34"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Phù Ninh (Khu B)	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 38"	106° 35' 32"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Phù Ninh	KX	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 49"	106° 35' 36"					F-48-82-A-a
núi Phù Lưu	SV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 48"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Phù Ninh	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn Bắc	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 48"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 41"	106° 44' 41"					F-48-82-A-b
Thôn Mực	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 56"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
Thôn Nam	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Thôn Sỏ	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 45"	106° 44' 10"					F-48-82-A-b
Thôn Trung	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 35"	106° 44' 35"					F-48-82-A-b
Xóm Chảo	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 44' 25"					F-48-82-A-b
Xóm Ròng	DC	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 44' 45"					F-48-82-A-b
chợ Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 35"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
chùa Kiến Linh	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 44' 31"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
miếu Thành Hoàng	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Phục Lễ	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 37"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Nam Triệu	KX	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 46"	106° 44' 33"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Phục Lễ	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Thôn Cống	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 11"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Thôn Đò	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 22"	106° 36' 58"					F-48-82-A-a
Thôn Đông	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 37' 09"					F-48-82-A-a
Thôn Giếng	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 07"	106° 36' 48"					F-48-82-A-a
Thôn Giữa	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 11"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Thôn Mẩn	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 26"	106° 36' 35"					F-48-82-A-a
Thôn Nửa	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Thôn Phó	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 33"	106° 36' 01"					F-48-82-A-a
Thôn Sỏi	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 22"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
Thôn Tân	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 06"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
Thôn Trại	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 07"	106° 36' 52"					F-48-82-A-a
Thôn Vôi	DC	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 14"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
cầu Việt Khê	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 37"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
chợ Thanh Lãng	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 33"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
Chùa Nốt	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 03"	106° 36' 57"					F-48-82-A-a
Chùa Vang	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 29"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
đền Quảng Cư	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 12"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Di tích lưu niệm Trạng nguyên Lê Ích Mộc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 18"	106° 36' 15"					F-48-82-A-a
Đình Bắc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 15"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 352	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Quảng Thanh (Khu A)	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 08"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Quảng Thanh (Khu B)	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 09"	106° 36' 54"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Quảng Thanh	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 10"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Quảng Thanh	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 04"	106° 36' 08"					F-48-82-A-a
từ đường Trạng nguyên Lê Ích Mộc	KX	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 31"	106° 36' 06"					F-48-82-A-a
núi Sơn Đào	SV	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên	20° 58' 09"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Quảng Thanh	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 42"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
Thôn 2	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 46"	106° 45' 24"					F-48-82-B-a
Thôn 3	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 56"	106° 45' 29"					F-48-82-B-a
Thôn 4	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 02"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
Thôn 5	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 08"	106° 45' 19"					F-48-82-B-a
Thôn 6	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 45' 14"					F-48-82-B-a
Thôn 7	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 05"	106° 45' 12"					F-48-82-B-a
Thôn 8	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 22"	106° 45' 41"					F-48-82-B-a
Thôn 9	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 48"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 30"	106° 44' 51"					F-48-82-A-b
chùa Do Lễ	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 45' 17"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Nam Triệu	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 06"	106° 45' 34"					F-48-82-B-a
đền Vũ Nguyên	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 45' 25"					F-48-82-B-a
đình Do Nghi	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
đình Đoàn Lễ	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 09"	106° 45' 10"					F-48-82-B-a
Đường tỉnh 359	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 34"	106° 45' 30"					F-48-82-B-a
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 22"	106° 45' 20"					F-48-82-B-a
Phà Rừng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 26"	106° 46' 05"					F-48-82-B-a
Trường Tiểu học Tam Hưng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 01"	106° 45' 18"					F-48-82-B-a
Trường Trung học cơ sở Tam Hưng	KX	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 12"	106° 45' 23"					F-48-82-B-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	xã Tam Hưng	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Thôn 1	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 18"	106° 40' 30"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 04"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 58"	106° 40' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 4A	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 51"	106° 40' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 4B	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 35"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 07"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 53' 47"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 02"	106° 40' 44"					F-48-82-A-b
thôn Bến Bính A	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 36"	106° 40' 31"					F-48-82-A-b
thôn Bến Bính B	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 29"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
thôn Đường 10	DC	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 08"	106° 40' 16"					F-48-82-A-b
đình Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359B	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 53' 18"	106° 40' 20"	20° 52' 15"	106° 40' 34"	F-48-82-A-b
Phà Bính	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 07"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 01"	106° 40' 20"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
Xí nghiệp Cơ khí Bến Bính	KX	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên	20° 52' 28"	106° 40' 22"					F-48-82-A-d
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Tân Dương	H. Thuỷ Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Thôn 1	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 33"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 37"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 38' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 38"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 39' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 39' 16"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 26"	106° 38' 21"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 31"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 10	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 38' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 38' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 15"	106° 38' 27"					F-48-82-A-b
cầu Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chợ Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 38' 30"					F-48-82-A-b
chùa Trinh Hưởng	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 36"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
chùa Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 36"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
đền Trinh Hưởng	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 37"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
đền Trịnh Xá	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 37"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
phủ đường Thuỷ Nguyên	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 34"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Mầm non Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thiên Hương	KX	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 41"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Thiên Hương	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
thôn Bắc 1	DC	xã Thủy Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 09"	106° 40' 50"					F-48-82-A-b
thôn Bắc 2	DC	xã Thủy Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 17"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Thủy Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 58"	106° 40' 48"					F-48-82-A-b
thôn Đống Am	DC	xã Thủy Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 59"	106° 41' 02"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Mát	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 41' 14"					F-48-82-A-b
Thôn Mánh	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 28"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
thôn Núi 1	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 50"	106° 40' 16"					F-48-82-A-b
thôn Núi 2	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 36"	106° 40' 21"					F-48-82-A-b
Thôn Quán	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
thôn Sanh Soi	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 40"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
thôn Tây Nam	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 40' 46"					F-48-82-A-b
Thôn Trại	DC	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 41' 16"					F-48-82-A-b
đền Thượng Sơn	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 39"	106° 40' 06"					F-48-82-A-b
Đình Trung	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 08"	106° 40' 54"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên		20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"		F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên		20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"		F-48-82-A-b
miếu Thuỷ Tú	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 41' 05"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thuỷ Đường	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 26"	106° 40' 49"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thuỷ Đường	KX	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 40' 53"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Thuỷ Đường	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 30"	106° 40' 26"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 29"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 43"	106° 40' 18"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 51"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 18"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 29"	106° 39' 26"					F-48-82-A-b
Bệnh viện huyện Thuỷ Nguyên	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 27"	106° 39' 39"					F-48-82-A-b
cầu Trịnh Xá	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 25"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chợ Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 24"	106° 39' 44"					F-48-82-A-b
chùa Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 33"	106° 39' 40"					F-48-82-A-b
chùa Phù Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 35"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
chùa Tam Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 50"	106° 40' 08"					F-48-82-A-b
đình Dục Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 32"	106° 39' 42"					F-48-82-A-b
đình Phù Liễn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 34"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
đình Tam Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 49"	106° 40' 09"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 31"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 22"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông 25 - 10	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 34"	106° 39' 37"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 38"	106° 39' 09"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Thuỷ Sơn	KX	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 30"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Thuỷ Sơn	H. Thuỷ Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 08"	106° 42' 22"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 56"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 59"	106° 42' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 49"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 32"	106° 42' 26"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 54' 54"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
Thôn Đàm	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 23"	106° 43' 00"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 08"	106° 42' 48"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 03"	106° 42' 44"					F-48-82-A-b
Thôn Tây	DC	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 07"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
chợ Chùa Thủy Triều	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 10"	106° 42' 20"					F-48-82-A-b
đền Thôn 8	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 54' 56"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
đình Kinh Triều	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 07"	106° 42' 43"					F-48-82-A-b
đình Tuy Lạc	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 55' 52"	106° 42' 23"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
phà Máy Chai	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Thủy Triều	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 00"	106° 42' 31"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Thủy Triều	KX	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên	20° 56' 01"	106° 42' 32"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Ruột Lợn	TV	xã Thủy Triều	H. Thủy Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đình	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 05"	106° 42' 12"					F-48-82-A-b
Thôn Rúp	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 55"	106° 42' 06"					F-48-82-A-b
Thôn Tây	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 59"	106° 42' 03"					F-48-82-A-b
Thôn Trại	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 13"	106° 42' 07"					F-48-82-A-b
thôn Trại Chùa	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 49"	106° 41' 50"					F-48-82-A-b
thôn Trại Núi	DC	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 58"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
chùa Cổ Lôi	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
đỉnh Chung Mỹ	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 58"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
đồ Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 57' 10"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 55' 57"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Trung Hà	KX	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 14"	106° 42' 01"					F-48-82-A-b
Núi Hương	SV	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên	20° 56' 53"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Trung Hà	H. Thuỷ Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Khu 1	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 26"	106° 33' 00"					F-48-82-C-a
Khu 2	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 35"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a
Khu 3	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 35"	106° 33' 23"					F-48-82-C-a
Khu 4	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 41"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
Khu 5	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 58"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a
Khu 6	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 34' 12"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 7	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 32' 56"					F-48-82-C-a
Khu 8	DC	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 05"	106° 33' 10"					F-48-82-C-a
Bệnh viện Đa khoa huyện Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 09"	106° 33' 09"					F-48-82-C-a
Cầu Đen	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
cầu Huyện Đội	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
Cầu Khuê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 43"	106° 34' 25"					F-48-82-C-a
Chợ Đồi	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 33' 16"					F-48-82-C-a
chùa Phú Kê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 31"	106° 32' 54"					F-48-82-C-a
chùa Trung Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 47"	106° 33' 27"					F-48-82-C-a
đình Cựu Đồi	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 32"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a
đình Đông Cầu	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 44' 09"	106° 34' 06"					F-48-82-C-a
đình Triều Đông	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 46"	106° 33' 53"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Phú Kê	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 29"	106° 32' 50"					F-48-82-C-a
miếu Trung Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 45"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 53"	106° 33' 41"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 48"	106° 33' 31"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở thị trấn Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 50"	106° 33' 30"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nhữ Văn Lan	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 53"	106° 33' 27"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Tiên Lãng	KX	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 33' 03"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	TT. Tiên Lãng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 40"	106° 37' 51"					F-48-82-C-b
thôn Đồng Xuân	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 23"	106° 37' 54"					F-48-82-C-b
thôn Kỳ Ván	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 31"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Thụy Nêo	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 38' 38"					F-48-82-C-b
thôn Trung Hưng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Văn Kỳ	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 30"	106° 38' 06"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Hưng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 37' 58"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Làng	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 38' 08"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Tiến	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 26"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Trại	DC	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 06"	106° 37' 45"					F-48-82-C-b
chợ Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
chùa Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 37' 54"					F-48-82-C-b
đền Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 37' 56"					F-48-82-C-b
đình Xuân Úc	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
Đường huyện 212	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
nhà thờ Suý Nêo	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 38' 44"					F-48-82-C-b
Trường Mầm non Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Bắc Hưng	KX	xã Bắc Hưng	H. Tiên Lãng	20° 40' 14"	106° 38' 11"					F-48-82-C-b
thôn 1 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 51"	106° 33' 11"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 2 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 35"	106° 33' 34"					F-48-82-C-a
thôn 3 - Phác Xuyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 39"	106° 33' 42"					F-48-82-C-a
thôn 4 - Vọng Hải	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 26"	106° 33' 55"					F-48-82-C-a
thôn 5 - Hồ Nam	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 22"	106° 34' 05"					F-48-82-C-a
thôn 6 - Xuân Lai	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 34' 11"					F-48-82-C-a
thôn 7 - Xuân Lai	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 17"	106° 34' 14"					F-48-82-C-a
thôn 8 - Xuân Hoà	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 12"	106° 34' 11"					F-48-82-C-a
thôn 9 - Xuân Hoà	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 15"	106° 34' 07"					F-48-82-C-a
thôn 10 - Xuân Quang	DC	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 41' 58"	106° 34' 18"					F-48-82-C-a
chùa Thiên Tộ	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 33' 29"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 32"	106° 33' 54"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Bạch Đằng	KX	xã Bạch Đằng	H. Tiên Lãng	20° 42' 31"	106° 33' 56"					F-48-82-C-a
thôn Hào Lai	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 4	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 24"	106° 32' 23"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 5	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 32' 10"					F-48-82-C-a
thôn Kinh Lương 6	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 22"	106° 31' 46"					F-48-82-C-a
thôn Phú Lương	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 41' 55"	106° 31' 34"					F-48-82-C-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 07"	106° 32' 19"					F-48-82-C-a
thôn Phương Lai 1	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 40"	106° 32' 47"					F-48-82-C-a
thôn Phương Lai 2	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 37"	106° 32' 37"					F-48-82-C-a
thôn Quan Bò	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 31"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
thôn Thái Lai	DC	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 01"	106° 32' 50"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thái Lai	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 04"	106° 32' 53"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Phương Lai	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 34"	106° 32' 32"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Cấp Tiến	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 15"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cấp Tiến	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 18"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
từ đường họ Bùi Quang	KX	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng	20° 42' 28"	106° 32' 25"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Cấp Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Đẻ Xuyên	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 10"	106° 29' 52"					F-48-81-B-d
thôn Giang Khẩu	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 37"	106° 29' 45"					F-48-81-B-d
thôn Lãng Niên	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 03"	106° 30' 37"					F-48-82-A-c
thôn Trám Khê	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 46' 54"	106° 30' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Cát	DC	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 26"	106° 30' 21"					F-48-82-A-c
cầu Tiên Cự	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 19"	106° 30' 56"					F-48-82-A-c
chùa Thiên Trúc	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 34"	106° 29' 40"					F-48-81-B-d
Cơ sở cai nghiện ma túy Số 2	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 49"	106° 29' 00"					F-48-81-B-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp Quý Cao	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 46' 54"	106° 29' 36"					F-48-81-B-d
đền Đẻ Xuyên	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 12"	106° 29' 44"					F-48-81-B-d
đình Giang Khẩu	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 37"	106° 29' 39"					F-48-81-B-d
Đò Mía	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 48' 04"	106° 29' 04"					F-48-81-B-d
Quốc lộ 10	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đại Thắng	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 10"	106° 30' 20"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Trường Trung học cơ sở Đại Thắng	KX	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng	20° 47' 08"	106° 30' 23"							F-48-82-A-c
Sông Mối	TV	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 48' 04"	106° 29' 03"	20° 48' 10"	106° 30' 21"			F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Ván Úc	TV	xã Đại Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"			F-48-82-A-c
thôn Đông Xuyên Ngoại	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 09"	106° 33' 31"							F-48-82-C-a
thôn Đông Xuyên Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 00"	106° 33' 35"							F-48-82-C-a
thôn Hộ Tử Ngoại	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 05"	106° 33' 18"							F-48-82-C-a
thôn Hộ Tử Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 33' 20"							F-48-82-C-a
thôn Nhân Vực	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 24"	106° 32' 55"							F-48-82-C-a
thôn Tân Lập	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 19"	106° 33' 09"							F-48-82-C-a
thôn Tiên Đồi Nội	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 33' 53"							F-48-82-C-a
thôn Tinh Lạc	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 09"	106° 34' 19"							F-48-82-C-a
thôn Từ Đồi	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 34' 00"							F-48-82-C-a
thôn Ván Đồi	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 47"	106° 33' 55"							F-48-82-C-a
thôn Xóm Chợ	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 29"	106° 34' 05"							F-48-82-C-a
thôn Xóm Giáo	DC	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 34' 18"							F-48-82-C-a
Cầu Hàn	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 32' 57"							F-48-82-C-a
Chợ Đầm	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 42' 09"	106° 33' 09"							F-48-82-C-a
chùa Tiên Đồi Nội	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 56"	106° 33' 43"							F-48-82-C-a
Đền Bì	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 31"	106° 33' 49"							F-48-82-C-a
đền Canh Sơn	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 35"	106° 33' 59"							F-48-82-C-a
đình Tiên Đồi Ngoại	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 32"	106° 34' 00"							F-48-82-C-a
đình Từ Đồi	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 25"	106° 33' 55"							F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 354	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu Tiên Đồi Nội	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 55"	106° 33' 43"					F-48-82-C-a
Trường Mầm non Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 33' 36"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 53"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Đoàn Lập	KX	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng	20° 41' 56"	106° 33' 41"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Đoàn Lập	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Hùng Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 09"	106° 38' 51"					F-48-82-C-b
thôn Thái Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 48"	106° 39' 09"					F-48-82-C-b
thôn Thủy Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 10"	106° 38' 19"					F-48-82-C-b
thôn Trung Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 37"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Hưng	DC	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 29"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
cầu KC1	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
cầu KC2	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 06"	106° 38' 21"					F-48-82-C-b
cống C4	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 37' 53"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
cống Ngựa 2	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 12"	106° 39' 39"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đông Hưng	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 42"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đông Hưng	KX	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 40"	106° 38' 14"					F-48-82-C-b
kênh KC1	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 39' 44"	106° 39' 01"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-b
kênh KC2	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 38' 18"	106° 39' 38"	20° 38' 34"	106° 36' 12"	F-48-82-C-b
sông Thái Bình	TV	xã Đông Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 38' 51"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 02"	106° 38' 56"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
Thôn 3	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 39' 00"					F-48-82-C-b	
Thôn 4	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 39' 07"					F-48-82-C-b	
Thôn 5	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 37"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b	
Thôn 6	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 45"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b	
Thôn 7	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 21"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b	
Thôn 8	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 22"	106° 39' 33"					F-48-82-C-b	
Thôn 9	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 27"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b	
Thôn 10	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 37"	106° 39' 44"					F-48-82-C-b	
Thôn 11	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 40"	106° 39' 56"					F-48-82-C-b	
Thôn 12	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 48"	106° 39' 51"					F-48-82-C-b	
Thôn 13	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 40' 05"					F-48-82-C-b	
Thôn 14	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 39' 46"					F-48-82-C-b	
Thôn 15	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b	
Thôn 16	DC	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 28"	106° 39' 00"					F-48-82-C-b	
cầu Dương Áo	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 22"	106° 39' 16"					F-48-82-C-b	
chợ Vàm Láng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 15"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b	
chùa Bạch Đa	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 48"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b	
chùa Bảo Khánh	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 27"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b	
đình Ván Đông	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 14"	106° 39' 06"					F-48-82-C-b	
Đò Đáy	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 41' 22"					F-48-82-C-b	
Đường huyện 212	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-b	
Phà Dương	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 23"	106° 39' 18"					F-48-82-C-b	
Trường Tiểu học Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 16"	106° 39' 12"					F-48-82-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 24"	106° 39' 16"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Hùng Thắng	KX	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 40' 23"	106° 39' 19"					F-48-82-C-b
Đầm Trì	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
kênh Cống Ba Gian	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 07"	106° 40' 07"	20° 41' 36"	106° 41' 19"	F-48-82-C-b
kênh Đàng Nam	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng					20° 40' 07"	106° 40' 07"	F-48-82-C-b
kênh Đồng Phiên	TV	xã Hùng pThắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 22"	106° 39' 23"	20° 41' 19"	106° 39' 33"	F-48-82-C-b
kênh Dương Áo	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 40' 30"	106° 39' 01"	20° 41' 15"	106° 39' 13"	F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Hùng Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn An Dụ 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 13"	106° 31' 19"					F-48-82-C-a
thôn An Dụ 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 09"	106° 31' 19"					F-48-82-C-a
thôn An Từ 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
thôn An Từ 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 39"					F-48-82-C-a
thôn An Từ 3	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 13"	106° 31' 47"					F-48-82-C-a
thôn An Từ 4	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 12"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
thôn Cương Nha	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 52"	106° 31' 26"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Duy 1	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 58"	106° 32' 08"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Duy 2	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 31' 53"					F-48-82-C-a
thôn Ninh Duy 3	DC	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 59"	106° 31' 36"					F-48-82-C-a
Cầu Ân	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 58"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
Cầu Tây	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 51"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
đình Ninh Duy	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 43' 55"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Khởi Nghĩa	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 03"	106° 31' 40"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Khởi Nghĩa	KX	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng	20° 44' 03"	106° 31' 41"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Khởi Nghĩa	H. Tiên Lãng							F-48-82-C-a
thôn An Thạch	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 31' 44"			20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Bắc Phong	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 16"	106° 31' 22"					F-48-82-C-a
thôn Nam Phong 1	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 44"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
thôn Nam Phong 2	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 32"	106° 31' 07"					F-48-82-C-a
thôn Nam Từ 1	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 33"	106° 32' 13"					F-48-82-C-a
thôn Nam Từ 2	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 39"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
thôn Thạch Hào	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 10"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
thôn Thanh Trì	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 58"	106° 32' 28"					F-48-82-C-a
thôn Trì Hào	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 17"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
thôn Tuấn Tiến	DC	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 24"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
Cầu Đàng	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 38"	106° 30' 38"					F-48-82-C-a
Cầu Hàn	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a
chùa Nam Từ	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 49"	106° 32' 03"					F-48-82-C-a
Cụm di tích Tiến sỹ Thượng thư Nhữ Văn Lan	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 35"	106° 32' 09"					F-48-82-C-a
Đình Nam	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 31' 29"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
miếu An Thạch	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 00"	106° 31' 39"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Hào (Khu 1)	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 30"	106° 32' 12"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Hào (Khu 2)	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 34"	106° 32' 59"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Liên Phong	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 07"	106° 31' 34"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Kiến Thiết	KX	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 32' 33"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Kiến Thiết	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Bạch Xa Làng	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 46"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b
thôn Bạch Xa Trại	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
thôn Láng Trinh	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 57"	106° 37' 58"					F-48-82-C-b
thôn Thanh Lan	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 00"	106° 36' 20"					F-48-82-C-a
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 53"	106° 38' 12"					F-48-82-C-b
thôn Vân Đoàn	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 51"	106° 37' 48"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Trại I	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 37' 23"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Trại II	DC	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 37"	106° 36' 40"					F-48-82-C-a
đền Góc Rúi	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 14"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Nam Hưng	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 44"	106° 37' 50"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Nam Hưng	KX	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 37"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
sông Thái Bình	TV	xã Nam Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Bình Huệ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 20"	106° 35' 06"					F-48-82-C-a
thôn Chính Lý	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 25"	106° 35' 24"					F-48-82-C-a
thôn Chính Nghị	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 59"	106° 34' 57"					F-48-82-C-a
thôn Điều Trung	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 39"	106° 35' 27"					F-48-82-C-a
thôn Hoàng Đông	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 16"	106° 35' 11"					F-48-82-C-a
thôn Khôi Vỹ Hạ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 44"	106° 34' 37"					F-48-82-C-a
thôn Khôi Vỹ Thượng	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 06"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kỳ Vỹ Hạ	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 46"	106° 35' 45"					F-48-82-C-a
thôn Kỳ Vỹ Thượng	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 54"	106° 35' 33"					F-48-82-C-a
thôn Lát Dương	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 36"	106° 34' 18"					F-48-82-C-a
thôn Lát Khê	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
Thôn Nâu	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 50"	106° 34' 42"					F-48-82-C-a
thôn Trà Đông	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 22"	106° 34' 50"					F-48-82-C-a
thôn Trà Mai	DC	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 41"	106° 35' 21"					F-48-82-C-a
Cầu Chợ	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 48"	106° 34' 47"					F-48-82-C-a
đình Kỳ Vỹ	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 57"	106° 35' 34"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Quang Phục	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 05"	106° 34' 56"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 42' 23"	106° 35' 15"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Quang Phục	KX	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng	20° 43' 08"	106° 34' 57"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Quang Phục	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
thôn Cổ Dụ	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 17"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a
thôn La Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 40"	106° 33' 34"					F-48-82-C-a
thôn Ngân Bồng	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 36"	106° 32' 47"					F-48-82-C-a
thôn Ngân Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 41"					F-48-82-C-a
thôn Phú Cơ	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 59"					F-48-82-C-a
thôn Phương La	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 33"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a
thôn Tắt Cầu	DC	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 01"	106° 32' 56"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đình Cổ Duy	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 23"	106° 33' 11"						F-48-82-C-a	
đình La Cầu	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 41"	106° 33' 32"						F-48-82-C-a	
đình Phú Cơ	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 08"	106° 32' 56"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Quyết Tiến	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 32' 50"						F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Quyết Tiến	KX	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 06"	106° 32' 49"						F-48-82-C-a	
Sông Mới	TV	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng								F-48-82-A-c	
sông Văn Úc	TV	xã Quyết Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"		F-48-82-A-c	
thôn Hợp Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 11"	106° 37' 38"						F-48-82-C-b	
thôn Minh Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 16"	106° 37' 17"						F-48-82-C-a	
thôn Tân Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 00"	106° 36' 50"						F-48-82-C-a	
thôn Xuân Hưng	DC	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 03"	106° 37' 32"						F-48-82-C-b	
cầu DT2	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 29"	106° 37' 35"						F-48-82-C-b	
đò Cống C1	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 25"	106° 36' 01"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Tây Hưng	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 20"	106° 37' 25"						F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Tây Hưng	KX	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 10"	106° 37' 13"						F-48-82-C-a	
kênh KC1	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 39' 44"	106° 39' 01"	20° 38' 34"	106° 36' 12"		F-48-82-C-a	
kênh KC2	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 38' 18"	106° 39' 38"	20° 38' 34"	106° 36' 12"		F-48-82-C-b	
sông Thái Bình	TV	xã Tây Hưng	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"		F-48-82-C-a, F-48-82-C-b	
thôn An Thung	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 44"	106° 31' 02"						F-48-82-A-c	
thôn Đại Công	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 14"	106° 30' 15"						F-48-82-A-c	
thôn Đại Độ	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 29' 39"						F-48-81-B-d	
thôn Sinh Đan	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 21"	106° 31' 15"						F-48-82-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thiên Kha	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 19"	106° 30' 53"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Cựu	DC	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 57"	106° 31' 20"					F-48-82-A-c
Cầu Chải	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 38"	106° 30' 54"					F-48-82-A-c
chợ Hoà Bình	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 52"	106° 30' 49"					F-48-82-A-c
đền thờ Chủ tịch Tôn Đức Thắng	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 45"	106° 29' 42"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-B-d F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tiên Cường	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 36"	106° 30' 53"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tiên Cường	KX	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 40"	106° 30' 51"					F-48-82-A-c
Sông Luộc	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Tiên Cường	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Duyên Hải	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 57"	106° 40' 28"					F-48-82-C-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 29"	106° 39' 26"					F-48-82-C-b
thôn Tân Quang	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 04"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 53"	106° 39' 20"					F-48-82-C-b
đồn biên phòng Vĩnh Quang	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 35"	106° 40' 06"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tiên Hưng	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 07"	106° 39' 38"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tiên Hưng	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 39' 10"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
Xí nghiệp Nuôi trồng Thủy sản Đình Vũ	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 37"	106° 40' 04"					F-48-82-C-b
Xí nghiệp Tôm Việt Mỹ	KX	xã Tiên Hưng	H. Tiên Lãng	20° 38' 04"	106° 40' 16"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Ba Đa	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 39' 33"	106° 35' 55"						F-48-82-C-a	
thôn Đông Côn	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 10"	106° 36' 02"						F-48-82-C-a	
thôn Đông Ninh I	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 02"	106° 36' 09"						F-48-82-C-a	
thôn Đông Ninh II	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 47"	106° 36' 19"						F-48-82-C-a	
thôn Duyên Lão	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 35' 42"						F-48-82-C-a	
thôn Ngọc Khánh	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 52"	106° 35' 02"						F-48-82-C-a	
thôn Phương Đối	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 09"	106° 35' 22"						F-48-82-C-a	
thôn Tiên Lãng	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 34"	106° 36' 05"						F-48-82-C-a	
thôn Tự Tiên	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 22"	106° 35' 21"						F-48-82-C-a	
thôn Xa Vĩ	DC	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 33"	106° 35' 41"						F-48-82-C-a	
chùa Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 04"	106° 35' 54"						F-48-82-C-a	
chùa Đông Ninh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 12"	106° 36' 17"						F-48-82-C-a	
chùa Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 08"	106° 35' 37"						F-48-82-C-a	
chùa Xa Vĩ	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 46"	106° 35' 27"						F-48-82-C-a	
đình Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 05"	106° 35' 55"						F-48-82-C-a	
đình Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 06"	106° 35' 27"						F-48-82-C-a	
đình Tiên Lãng	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 41"	106° 35' 52"						F-48-82-C-a	
đình Tự Tiên	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 35' 24"						F-48-82-C-a	
đình Xa Vĩ	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 35' 37"						F-48-82-C-a	
Đò Đền	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 34' 59"						F-48-82-C-a	
miếu Đông Ninh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 03"	106° 36' 04"						F-48-82-C-a	
nhà thờ Giáo xứ Đông Côn	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 13"	106° 36' 03"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Duyên Lão	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 12"	106° 35' 39"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Tiên Minh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 50"	106° 35' 59"						F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tự Tiên	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 35' 22"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Minh	KX	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng	20° 40' 52"	106° 35' 59"					F-48-82-C-a
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Minh	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
Khu 1	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 47"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
Khu 2	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 37' 21"					F-48-82-C-a
Khu 3	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 32"	106° 37' 23"					F-48-82-C-a
Khu 4	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 26"	106° 37' 18"					F-48-82-C-a
Khu 5	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 20"	106° 37' 11"					F-48-82-C-a
Khu 6	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 15"	106° 37' 06"					F-48-82-C-a
Khu 7	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 10"	106° 37' 02"					F-48-82-C-a
Khu 8	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 46"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
Khu 9	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 46"	106° 36' 49"					F-48-82-C-a
Khu 10	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 25"	106° 36' 50"					F-48-82-C-a
Khu 11	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 20"	106° 36' 28"					F-48-82-C-a
khu Bãi Cát	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 05"	106° 37' 05"					F-48-82-C-a
Khu Kho	DC	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 49"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
đình Lộ Đông	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 16"	106° 36' 32"					F-48-82-C-a
đình Mỹ Lộc	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-82-C-a
Đường huyện 212	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tiên Thắng	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 34"	106° 37' 09"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Thắng	KX	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 29"	106° 37' 01"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Tiên Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Thôn 1	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 31' 30"						F-48-82-C-a	
thôn Đồng Cống	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 31"	106° 32' 33"						F-48-82-C-a	
thôn Hà Đới	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 42"	106° 31' 52"						F-48-82-C-a	
thôn Kim Đới 1	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 53"	106° 31' 53"						F-48-82-C-a	
thôn Kim Đới 2	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 31' 40"						F-48-82-C-a	
thôn Kim Đới 3	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 36"	106° 31' 48"						F-48-82-C-a	
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 34"	106° 31' 04"						F-48-82-C-a	
thôn Lai Phương	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 15"	106° 32' 32"						F-48-82-C-a	
thôn Ngọc Động	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 34"	106° 32' 05"						F-48-82-C-a	
thôn Xóm 6	DC	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 42' 32"	106° 31' 34"						F-48-82-C-a	
đền Hà Đới	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 31' 58"						F-48-82-C-a	
đền Ngọc Động	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 44"	106° 32' 02"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Tiên Thanh	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 41"	106° 31' 59"						F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Tiên Thanh	KX	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng	20° 43' 40"	106° 31' 58"						F-48-82-C-a	
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Thanh	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"		F-48-82-C-a	
Thôn Ân	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 21"	106° 31' 44"						F-48-82-A-c	
Thôn Chàm	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 37"	106° 32' 25"						F-48-82-C-a	
Thôn Giáo	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 52"	106° 32' 04"						F-48-82-C-a	
Thôn Nghiện	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 37"	106° 31' 41"						F-48-82-A-c	
Thôn Rỗ	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 33"	106° 31' 24"						F-48-82-A-c	
Thôn Vông	DC	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 23"	106° 32' 02"						F-48-82-A-c	
cầu Sông Mới	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 31' 19"						F-48-82-A-c	
Cầu Tây	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 44' 51"	106° 31' 55"						F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Trường Tiểu học Tiên Tiến	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 14"	106° 31' 47"						F-48-82-A-c	
Trường Trung học cơ sở Tiên Tiến	KX	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng	20° 45' 12"	106° 31' 49"						F-48-82-A-c	
Sông Mối	TV	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 48"	106° 31' 05"	20° 45' 37"	106° 32' 39"		F-48-82-A-c	
sông Thái Bình	TV	xã Tiên Tiến	H. Tiên Lãng			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"		F-48-82-A-c	
khu dân cư Xóm 10	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 16"	106° 35' 43"						F-48-82-C-a	
thôn Bằng Viên	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 40"	106° 36' 15"						F-48-82-C-a	
thôn Cẩm Khê	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 09"	106° 36' 22"						F-48-82-C-a	
thôn Đốc Hành	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 48"	106° 35' 54"						F-48-82-C-a	
thôn Đốc Hậu	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 35' 58"						F-48-82-C-a	
thôn Đông Quy	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 02"	106° 36' 01"						F-48-82-C-a	
thôn Minh Thị	DC	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 27"	106° 36' 11"						F-48-82-C-a	
chợ Đông Quy	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 08"	106° 35' 47"						F-48-82-C-a	
chùa Minh Thị	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 27"	106° 36' 08"						F-48-82-C-a	
cổng Phu Lôi	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 36' 18"						F-48-82-C-a	
Đền Gắm	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 14"	106° 36' 36"						F-48-82-C-a	
đình Đốc Hành	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 51"	106° 35' 50"						F-48-82-C-a	
đình Đốc Hậu	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 38"	106° 36' 05"						F-48-82-C-a	
Đò Sấu	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 44"	106° 36' 37"						F-48-82-C-a	
Đường huyện 212	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"		F-48-82-C-a	
Trường Mầm non Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 41' 58"	106° 35' 51"						F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 07"	106° 35' 53"						F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 08"	106° 35' 52"						F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Toàn Thắng												
Trường Trung học phổ thông Toàn Thắng	KX	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng	20° 42' 13"	106° 35' 36"							F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã Toàn Thắng	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"			F-48-82-C-a
thôn Cẩm La	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 12"	106° 32' 12"							F-48-82-A-c
thôn Lâm Cao	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 47"	106° 31' 46"							F-48-82-A-c
thôn Mỹ Khê	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 14"	106° 31' 45"							F-48-82-A-c
thôn Nhuet Ngự	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 18"	106° 31' 31"							F-48-82-A-c
thôn Sa Đồng	DC	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 47' 24"	106° 31' 36"							F-48-82-A-c
cầu Sông Mới	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 45' 48"	106° 31' 19"							F-48-82-A-c
chùa Cẩm La	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 20"	106° 32' 08"							F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tự Cường	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 41"	106° 31' 40"							F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tự Cường	KX	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng	20° 46' 39"	106° 31' 42"							F-48-82-A-c
Sông Mới	TV	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng							106° 31' 05"	106° 32' 39"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Tự Cường	H. Tiên Lãng					20° 45' 48"	20° 45' 37"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Chùa Dưới	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 22"	106° 41' 27"							F-48-82-C-b
thôn Chùa Trên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 17"	106° 41' 26"							F-48-82-C-b
thôn Đồn Dưới	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 40' 38"							F-48-82-C-b
thôn Đồn Trên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 00"	106° 40' 19"							F-48-82-C-b
thôn Đồng Dưới	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 50"	106° 41' 33"							F-48-82-C-b
thôn Đồng Trên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 42"	106° 41' 43"							F-48-82-C-b
Thôn Kim	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 29"	106° 40' 50"							F-48-82-C-b
Thôn Kỳ	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 31"	106° 40' 28"							F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Nam	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 27"	106° 40' 10"					F-48-82-C-b
thôn Thái Ninh	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 38' 58"	106° 40' 54"					F-48-82-C-b
thôn Tư Sinh	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 24"	106° 40' 38"					F-48-82-C-b
thôn Vam Dưới	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 42"	106° 41' 01"					F-48-82-C-b
thôn Vam Trên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 13"	106° 41' 28"					F-48-82-C-b
Thôn Yên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 40' 03"	106° 41' 13"					F-48-82-C-b
đình Thái Bình (Đình Đông)	KX	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 52"	106° 41' 45"					F-48-82-C-b
Đường huyện 212	KX	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng			20° 43' 58"	106° 33' 38"	20° 39' 26"	106° 41' 36"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 42"	106° 40' 58"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng	20° 39' 43"	106° 40' 56"					F-48-82-C-b
kênh Cống Ba Gian	TV	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng			20° 40' 07"	106° 40' 07"	20° 41' 36"	106° 41' 19"	F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Vĩnh Quang	H. Tiên Lãng			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
khu dân cư Bắc Hải	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 50"	106° 28' 09"					F-48-81-D-b
khu dân cư Bình Minh	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 33"	106° 28' 38"					F-48-81-D-b
khu dân cư Diêm Niêm	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 29"	106° 28' 32"					F-48-81-D-b
khu dân cư Hoà Bình	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
khu dân cư Lam Sơn	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 28' 38"					F-48-81-D-b
khu dân cư Tiên Hải	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 27"	106° 29' 03"					F-48-81-D-b
khu phố 1-5	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
khu phố 3-2	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 40"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
khu phố Đông Thái	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 28' 27"					F-48-81-D-b
khu phố Tân Hoà	DC	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 49"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 56"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
cầu Nhân Mục	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 10"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
Cầu Tây	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 00"					F-48-81-D-b
chùa Đông Tạ	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 46"	106° 28' 32"					F-48-81-D-b
đền Đông Tạ	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 46"	106° 28' 33"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 44"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 28' 17"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 54"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bảo	KX	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	TT. Vĩnh Bảo	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
thôn An Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 26' 20"					F-48-81-D-b
thôn An Lăng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 49"	106° 26' 24"					F-48-81-D-b
thôn Hạ Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 12"	106° 25' 54"					F-48-81-D-b
thôn Kênh Hữu	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 27"	106° 26' 40"					F-48-81-D-b
thôn Nội Tạ	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 57"	106° 25' 29"					F-48-81-D-b
thôn Tạ Ngoại I	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 44"	106° 25' 54"					F-48-81-D-b
thôn Tạ Ngoại II	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 58"	106° 25' 59"					F-48-81-D-b
thôn Thượng Đồng	DC	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 18"	106° 26' 00"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Hạ Đồng	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 15"	106° 25' 44"					F-48-81-D-b
đền Tạ Ngoại	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 57"	106° 25' 58"					F-48-81-D-b
đình Thượng Đồng	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 19"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học An Hoà	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 55"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở An Hoà	KX	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 53"	106° 26' 10"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã An Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 31' 37"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 07"	106° 31' 38"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 31' 30"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 03"	106° 31' 13"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 08"	106° 31' 16"					F-48-82-C-a
Thôn 6	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 32"	106° 31' 14"					F-48-82-C-a
Thôn 7	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 00"	106° 31' 01"					F-48-82-C-a
Thôn 8	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 27"	106° 30' 38"					F-48-82-C-c
Thôn 9	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 17"	106° 30' 32"					F-48-82-C-c
Thôn 10	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 06"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
Thôn 11	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 07"	106° 30' 42"					F-48-82-C-c
Thôn 12	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 29"	106° 31' 23"					F-48-82-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 31' 33"					F-48-82-C-a
xóm Đông Lại	DC	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 31' 20"					F-48-82-C-a
Chùa Gạo	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 35"	106° 30' 38"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Tây Am	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 31' 10"					F-48-82-C-a
đình Hội Am	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 14"	106° 30' 39"					F-48-82-C-c
đình Liễu Điện	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 04"	106° 31' 41"					F-48-82-C-a
Đò Cối	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 54"	106° 30' 29"					F-48-82-C-c
khu lưu niệm Danh y Đào Công Chính	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 15"	106° 30' 42"					F-48-82-C-c
Quốc lộ 37	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cao Minh	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 30' 54"					F-48-82-C-a
từ đường họ Phạm Đức	KX	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 12"	106° 30' 35"					F-48-82-C-c
Sông Hoá	TV	xã Cao Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d, F-48-82-C-c
Thôn 1	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 11"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 12"	106° 32' 26"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 17"	106° 32' 39"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 18"	106° 32' 49"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 19"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
cầu phao Sông Hoá	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 34"	106° 32' 34"					F-48-82-C-a
Chùa Mết	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 08"	106° 32' 10"					F-48-82-C-a
Đình Hà	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 22"	106° 32' 58"					F-48-82-C-a
Đình Phán	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 22"	106° 32' 44"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Miếu Trảng (miếu Cây Xanh)	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 17"	106° 32' 31"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Cổ Am	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 32' 44"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Cổ Am - Vĩnh Tiến	KX	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 23"	106° 32' 37"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Cổ Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
thôn 1 Hà Dương	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 06"	106° 29' 07"					F-48-81-D-d
thôn 2 Hà Dương	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 17"	106° 28' 59"					F-48-81-D-d
thôn 3 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 38"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
thôn 4 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 29' 04"					F-48-81-D-b
thôn 5 An Quý	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn 9 Hạ Am	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 37"	106° 29' 30"					F-48-81-D-b
thôn 10 Hạ Am	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 33"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
thôn Cống Hiền	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 39"	106° 29' 49"					F-48-81-D-b
thôn Hạ Đồng	DC	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 46"	106° 29' 24"					F-48-81-D-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 09"	106° 28' 50"					F-48-81-D-b
chùa Hoa Am	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 28"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
đền thờ Tiến sỹ Dương Đức Nhan	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 27"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
đình An Quý	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 41"	106° 29' 13"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 40"	106° 29' 15"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 36"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Cộng Hiền	KX	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 06"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
kênh Bạch Đà (sông Bạch Đà)	TV	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo			20° 37' 49"	106° 29' 55"	20° 37' 03"	106° 29' 26"	F-48-81-D-b, F-48-81-D-d
Sông Hoá	TV	xã Cộng Hiền	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
thôn Cấp Lực	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 27' 12"					F-48-81-D-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 29"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
thôn Đồng Tiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 58"	106° 27' 41"					F-48-81-D-b
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
thôn Hồng Thái	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 26"	106° 27' 59"					F-48-81-D-b
thôn Hùng Chiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 01"	106° 26' 54"					F-48-81-D-b
thôn Ninh Cường	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 28' 24"					F-48-81-D-b
thôn Quân Thiêng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 21"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 27' 44"					F-48-81-D-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 07"	106° 27' 47"					F-48-81-D-b
thôn Song Hùng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 27' 54"					F-48-81-D-b
thôn Tân Nội	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 29' 02"					F-48-81-D-b
thôn Thái Hoà	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 21"	106° 28' 01"					F-48-81-D-b
thôn Trung Dũng	DC	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 15"	106° 28' 12"					F-48-81-D-b
chợ Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 04"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Chùa Miếu	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 25"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
đình Từ Lâm	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 28' 06"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bảo Hà	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 54"	106° 27' 41"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 08"	106° 27' 54"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Đồng Minh	KX	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 10"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Đồng Minh	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn 1 Đồng Quan	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 19"	106° 29' 38"					F-48-81-D-b
thôn 2 Đồng Quan	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 11"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
thôn 3 Xuân Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn 4 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 40"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
thôn 5 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 44"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
thôn 6 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 39"	106° 29' 03"					F-48-81-D-b
thôn 7 An Bò	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 34"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
thôn 8 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 28' 11"					F-48-81-D-b
thôn 9 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 19"	106° 28' 09"					F-48-81-D-b
thôn 10 Đan Điền	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 12"	106° 28' 28"					F-48-81-D-b
thôn 11 Cự Lại	DC	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 58"	106° 28' 36"					F-48-81-D-b
Chợ Mót	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 36"	106° 29' 11"					F-48-81-D-b
chùa Cự Lại	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 04"	106° 28' 30"					F-48-81-D-b
chùa Đồng Quan	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 14"	106° 29' 35"					F-48-81-D-b
chùa Tây An Bò	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 27"	106° 28' 37"					F-48-81-D-b
đình Cự Lại	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 04"	106° 28' 30"					F-48-81-D-b
đình Thượng Lộc (đình Đan Điền Ngoài)	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 30"	106° 28' 05"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
miếu Đồng Quan	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 06"	106° 29' 28"							F-48-81-D-b
miếu Tây An Bò	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 27"	106° 28' 37"							F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"			F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Dũng Tiến	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 23"	106° 28' 50"							F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Dũng Tiến	KX	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 29"	106° 29' 03"							F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Dũng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"			F-48-81-B-d, F-48-82-D-b
Thôn 1	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 15"	106° 30' 10"							F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 24"	106° 30' 06"							F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 42"	106° 30' 04"							F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 50"	106° 30' 01"							F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 00"	106° 29' 57"							F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 11"	106° 29' 51"							F-48-81-B-d
Thôn 7	DC	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 16"	106° 29' 54"							F-48-81-B-d
cầu Quý Cao	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 26"	106° 29' 34"							F-48-81-B-d
Chùa Cả	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 22"	106° 29' 47"							F-48-81-B-d
Chùa Dâu	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 38"	106° 30' 01"							F-48-82-C-a
chùa Nội Thắng	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 02"	106° 29' 55"							F-48-81-B-d
Miếu Dâu	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 36"	106° 30' 10"							F-48-82-C-a
Miếu Lác	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 27"	106° 29' 42"							F-48-81-B-d
Miếu Thắng	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 45' 24"	106° 29' 47"							F-48-81-B-d
Quốc lộ 10	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"			F-48-81-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Giang Biên	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 45"	106° 30' 00"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Giang Biên	KX	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 47"	106° 30' 03"					F-48-82-C-a
Sông Luộc	TV	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Thái Bình	TV	xã Giang Biên	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
thôn An Bảo	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 29"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b
Thôn Giồng	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 25' 07"					F-48-81-D-b
thôn Lê Lợi	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 19"	106° 25' 38"					F-48-81-D-b
Thôn Nà	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 26"	106° 25' 12"					F-48-81-D-b
thôn Nghĩa Lý	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
thôn Trúc Hiệp	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b
thôn Xóm 12	DC	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 47"	106° 24' 15"					F-48-81-D-b
chùa Linh Am	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 17"	106° 25' 13"					F-48-81-D-b
đền An Bảo	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 25' 31"					F-48-81-D-b
đền Trúc Hiệp	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 43"	106° 25' 23"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Hiệp Hoà	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 42"	106° 25' 21"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Hiệp Hoà - Hùng Tiến	KX	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 25' 22"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Hiệp Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 59"	106° 32' 42"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 06"	106° 32' 45"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 26"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
Thôn 4	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 33' 06"					F-48-82-C-a	
Thôn 5	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 29"	106° 33' 12"					F-48-82-C-a	
Thôn 6	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 33' 18"					F-48-82-C-a	
Thôn 7	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 18"	106° 33' 35"					F-48-82-C-a	
Thôn 8	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 33' 29"					F-48-82-C-a	
Thôn 9	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 07"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a	
Thôn 10	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 33' 39"					F-48-82-C-a	
Thôn 11	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 19"	106° 33' 04"					F-48-82-C-a	
Thôn 12	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 33' 05"					F-48-82-C-a	
Thôn 13	DC	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 51"	106° 34' 22"					F-48-82-C-a	
Cầu Hàn	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 32' 57"					F-48-82-C-a	
chùa Dương Khánh	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a	
chùa Lôi Trạch	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a	
chùa Tây Linh	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 28"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a	
đình Hàm Dương	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 33' 01"					F-48-82-C-a	
đình Lôi Trạch	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 32' 48"					F-48-82-C-a	
đình Ngải Am	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 33' 25"					F-48-82-C-a	
Đường tỉnh 354	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 21"	106° 33' 13"					F-48-82-C-a	
Trường Trung học cơ sở Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 33' 08"					F-48-82-C-a	
từ đường họ Hoàng Hữu	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 25"	106° 33' 18"					F-48-82-C-a	
từ đường họ Phạm	KX	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 12"	106° 33' 19"					F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Thái Bình	TV	xã Hoà Bình	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a		
thôn An Biên	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 27' 23"					F-48-81-D-b		
thôn Bến Vọng	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 30"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b		
thôn Hoàng Kênh	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 08"	106° 27' 26"					F-48-81-D-b		
thôn Kê Sơn 1	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 55"	106° 26' 59"					F-48-81-D-b		
thôn Kê Sơn 2	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b		
thôn Kênh Trạch	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 26' 50"					F-48-81-D-b		
thôn Tứ Duy	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 57"	106° 27' 52"					F-48-81-D-b		
xóm Mới Cầu Ngàn	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 26' 25"					F-48-81-D-b		
xóm Quán Cháy	DC	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 07"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b		
Chùa Sẻ	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 26"	106° 27' 16"					F-48-81-D-b		
đình Kênh Trạch	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 26' 46"					F-48-81-D-b		
đình Tứ Duy	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 54"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b		
Đường tỉnh 17B	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b		
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b		
Quốc lộ 10	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b		
Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hưng Nhân	KX	xã Hưng Nhân	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 33"	106° 27' 31"					F-48-81-D-b		
thôn Bắc Tạ I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 44"	106° 26' 51"					F-48-81-D-b		
thôn Bắc Tạ II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 34"	106° 26' 58"					F-48-81-D-b		
thôn Đại Nỗ I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 20"	106° 26' 08"					F-48-81-D-b		
thôn Đại Nỗ II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 25' 57"					F-48-81-D-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
thôn Phương Trì I	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 53"	106° 26' 07"					F-48-81-D-b
thôn Phương Trì II	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 52"	106° 26' 25"					F-48-81-D-b
thôn Phương Tường	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 26' 49"					F-48-81-D-b
thôn Xuân Hùng	DC	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 13"	106° 26' 29"					F-48-81-D-b
đình Bắc Tạ	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 27' 00"					F-48-81-D-b
đình Đại Nỗ	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 16"	106° 25' 53"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Hùng Tiến	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 39"	106° 26' 43"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Hùng Tiến	KX	xã Hùng Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 42"	106° 26' 44"					F-48-81-D-b
khu dân cư Quốc lộ 37	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 30' 58"					F-48-82-C-a
thôn Bắc Thượng Trung	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 30' 34"					F-48-82-C-a
thôn Bái Khê	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 38"	106° 31' 17"					F-48-82-C-a
thôn Bích Động	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 56"	106° 30' 46"					F-48-82-C-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 30' 39"					F-48-82-C-a
thôn Đồng Nha	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 30' 51"					F-48-82-C-a
thôn Đồng Tô	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 15"	106° 30' 57"					F-48-82-C-a
thôn Hậu Chùa	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 47"					F-48-82-C-a
thôn Hậu Đông	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 31' 10"					F-48-82-C-a
thôn Kim Bích	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 30' 58"					F-48-82-C-a
thôn Liêm Khê	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 05"	106° 31' 24"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Thượng Trung	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 14"	106° 30' 33"					F-48-82-C-a
thôn Ngọc Đồng	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 30' 47"					F-48-82-C-a
thôn Thượng Am	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 30' 40"					F-48-82-C-a
thôn Trại Đồng	DC	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 48"	106° 30' 43"					F-48-82-C-a
Cầu Đồng	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 36"					F-48-82-C-a
đình Ngọc Đồng	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 10"	106° 30' 42"					F-48-82-C-a
đình Thượng Trung	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 30' 29"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Liên Am	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 55"	106° 30' 54"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Liên Am	KX	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 30' 48"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Liên Am	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn 1 Lạng Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 32' 03"					F-48-82-C-a
thôn 2 Lạng Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 31' 54"					F-48-82-C-a
thôn 3 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 34"	106° 32' 02"					F-48-82-C-a
thôn 4 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 31"	106° 31' 50"					F-48-82-C-a
thôn 5 Trung Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
thôn 6 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 03"	106° 32' 18"					F-48-82-C-a
thôn 7 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 32' 24"					F-48-82-C-a
thôn 8 Tiền Am	DC	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 32' 33"					F-48-82-C-a
cầu Lạng Tây	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 44"	106° 31' 42"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chợ Nam	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
chùa Lạng Tây	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 49"	106° 31' 45"					F-48-82-C-a
đền thờ Nguyễn Bình Khiêm	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 45"	106° 31' 46"					F-48-82-C-a
đền Trần Quận Công	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 38"	106° 31' 48"					F-48-82-C-a
miếu Đông Tinh	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 51"	106° 32' 20"					F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Lý Học	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 31' 56"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Lý Học	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 20"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	KX	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Lý Học	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Cự Điện	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 30"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
thôn Mai Sơn 1	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 11"	106° 28' 20"					F-48-81-D-b
thôn Mai Sơn 2	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 22"	106° 28' 46"					F-48-81-D-b
thôn Nhâm Mục	DC	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 28"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
chùa Cự Điện	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 29' 11"					F-48-81-D-b
chùa Nhân Mục	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 34"	106° 28' 48"					F-48-81-D-b
chùa Vạn Thắng	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 28' 43"					F-48-81-D-b
đình Mai Sơn I	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 09"	106° 28' 21"					F-48-81-D-b
đình Nhân Mục	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 25"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Cựu Điện	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 35"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Mầm non Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 20"	106° 28' 54"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 28' 58"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Nhân Hoà	KX	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 37"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Nhân Hoà	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
làng Đông Am	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 32"	106° 31' 50"					F-48-82-C-c
Thôn 1	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 32' 31"					F-48-82-C-a
Thôn 2	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 48"	106° 32' 22"					F-48-82-C-a
Thôn 3	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 53"	106° 32' 16"					F-48-82-C-a
Thôn 4	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 32' 13"					F-48-82-C-a
Thôn 5	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 13"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
Thôn 6	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 11"	106° 31' 59"					F-48-82-C-a
Thôn 7	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 01"	106° 32' 06"					F-48-82-C-a
Thôn 8	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 02"	106° 31' 58"					F-48-82-C-a
Thôn 9	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 06"	106° 31' 55"					F-48-82-C-a
Thôn 10	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 39"	106° 31' 48"					F-48-82-C-c
Thôn 11	DC	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 12"	106° 32' 56"					F-48-82-C-a
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 32' 19"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Chiến Lược	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 32' 41"					F-48-82-C-a
chùa Thanh Sử	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 13"	106° 31' 52"					F-48-82-C-a
đình Đông Am	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 04"	106° 32' 07"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Đường tỉnh 354	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a
Quốc lộ 37	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Tam Cường	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 18"	106° 32' 05"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Tam Cường	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 28"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	KX	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 26"	106° 32' 15"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo					20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo					20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-c
sông Thái Bình	TV	xã Tam Cường	H. Vĩnh Bảo					20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Chanh Dưới	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 16"	106° 30' 20"					F-48-82-C-a
thôn Chanh Trên	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 57"	106° 30' 01"					F-48-82-C-a
Thôn Độ	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 10"	106° 30' 05"					F-48-82-C-a
Thôn Đông	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 30' 02"					F-48-82-C-a
thôn Hoa Đàm	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 39"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
thôn Lễ Hợp	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 29' 45"					F-48-81-D-b
Thôn Trảng	DC	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 36"	106° 30' 22"					F-48-82-C-a
Cầu Đăng	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 38"	106° 30' 38"					F-48-81-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Chanh Trên	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 58"	106° 29' 53"					F-48-81-D-b
đình Chanh Dưới	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 02"	106° 30' 27"					F-48-81-C-a
đình Làng Tràng	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 43"	106° 30' 15"					F-48-81-C-a
đình Lễ Hợp	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 21"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
đình Thôn Độ	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 30' 13"					F-48-81-C-a
Trường Tiểu học Tam Đa	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 29' 49"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tam Đa	KX	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 42"	106° 29' 52"					F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Tam Đa	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
thôn Diềm Niêm	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 26"	106° 28' 14"					F-48-81-D-b
thôn Gia Phong	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 30"	106° 27' 34"					F-48-81-D-b
thôn Kênh Trang	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 01"	106° 28' 35"					F-48-81-D-b
thôn Nam Tà 1	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 24"	106° 27' 58"					F-48-81-D-b
thôn Nam Tà 2	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 14"	106° 28' 03"					F-48-81-D-b
Xóm Áp	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 07"	106° 28' 00"					F-48-81-D-b
Xóm Đọ	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 33"	106° 27' 57"					F-48-81-D-b
xóm Kiến Thiết	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 21"	106° 27' 15"					F-48-81-D-b
Xóm Trại	DC	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 06"	106° 26' 53"					F-48-81-D-b
chùa Diềm Niêm	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 22"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
đình Diềm Niêm	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 22"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 17"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 18"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn An Ngoại	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 36"	106° 30' 16"						F-48-82-C-a	
thôn Bắc Sơn	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 04"	106° 30' 12"						F-48-82-C-a	
thôn Cổ Đằng	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 29"	106° 29' 47"						F-48-81-D-b	
thôn Đông Hải	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 58"	106° 30' 20"						F-48-82-C-a	
thôn Kim Lâu	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 16"	106° 30' 15"						F-48-82-C-a	
thôn Nam Hà	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 55"	106° 30' 19"						F-48-82-C-a	
thôn Nhuệ Ân	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 08"	106° 28' 53"						F-48-81-D-b	
thôn Tiền Hải I	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 54"	106° 29' 17"						F-48-81-D-b	
thôn Tiền Hải II	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 50"	106° 29' 18"						F-48-81-D-b	
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 08"	106° 29' 44"						F-48-81-D-b	
xóm Quang Trung	DC	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 29"						F-48-81-D-b	
Cầu Tây	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 49"	106° 29' 00"						F-48-81-D-b	
chùa Cao Hải	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 06"	106° 29' 34"						F-48-81-D-b	
chùa Kim Lâu	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 13"	106° 30' 01"						F-48-82-C-a	
đình Cao Hải	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 06"	106° 29' 34"						F-48-81-D-b	
đình Kim Lâu	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 18"	106° 30' 07"						F-48-82-C-a	
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"						F-48-81-D-b	
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"		F-48-81-D-b	
Trường Tiểu học Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 07"	106° 29' 36"						F-48-81-D-b	
Trường Trung học cơ sở Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 05"	106° 29' 36"						F-48-81-D-b	
từ đường họ Trịnh Doãn	KX	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo	20° 41' 55"	106° 30' 14"						F-48-82-C-a	
sông Thái Bình	TV	xã Tân Liên	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"		F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chanh Chữ 1	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 51"	106° 24' 39"					F-48-81-D-b
thôn Chanh Chữ 2	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 39"	106° 24' 38"					F-48-81-D-b
thôn Chanh Chữ 3	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 42"	106° 25' 19"					F-48-81-D-b
thôn Đông Lôi 1	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 15"	106° 25' 47"					F-48-81-D-b
thôn Đông Lôi 2	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 18"	106° 25' 37"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 1	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 26' 11"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 2	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 53"	106° 26' 04"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 3	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 59"	106° 26' 02"					F-48-81-D-b
thôn Hà Phương 4	DC	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 47"	106° 25' 56"					F-48-81-D-b
Cầu Chanh	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 44' 00"	106° 24' 30"					F-48-81-D-b
đình Chanh Chữ	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 43"	106° 24' 37"					F-48-81-D-b
Miếu Bến	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 04"	106° 26' 03"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Thắng Thủy	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Thắng Thủy	KX	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 55"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Thắng Thủy	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-D-b
thôn An Trì 1	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b
thôn An Trì 2	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b
thôn Áp Giáo	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 39"	106° 28' 47"					F-48-81-D-b
thôn Cúc Thủy	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 29' 36"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Địch Lương	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 16"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b
thôn Lương Trạch	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 59"	106° 28' 44"					F-48-81-D-b
thôn Thanh Khê	DC	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 31"	106° 29' 16"					F-48-81-D-b
chùa An Cáo	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 52"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
chùa Địch Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 11"	106° 29' 10"					F-48-81-D-b
chùa Lương Trạch	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 02"	106° 28' 29"					F-48-81-D-b
đình Địch Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 22"	106° 29' 04"					F-48-81-D-b
đình Lương Trạch	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 51"	106° 29' 02"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B (nhánh 2)	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo			20° 40' 04"	106° 27' 07"	20° 38' 13"	106° 28' 54"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Thanh Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 42"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Thanh Lương	KX	xã Thanh Lương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 43"	106° 29' 18"					F-48-81-D-b
thôn An Lạc I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 34"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b
thôn An Lạc II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 29"	106° 27' 48"					F-48-81-D-d
thôn Linh Đông	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 28' 13"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 49"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 42"	106° 28' 11"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông III	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 38"	106° 28' 16"					F-48-81-D-b
thôn Linh Đông IV	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 28"	106° 28' 19"					F-48-81-D-d
thôn Vĩnh Lạc I	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 55"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b
thôn Vĩnh Lạc II	DC	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 45"	106° 27' 35"					F-48-81-D-b
bến đò An Lạc	KX	xã Tiền Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 05"	106° 27' 31"					F-48-81-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến đò Vĩnh Lạc	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 36"	106° 26' 59"					F-48-81-D-b
Chợ Đông	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 32"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
chùa Cao Sơn	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 31"	106° 27' 40"					F-48-81-D-b
đình 9 Gian	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 50"	106° 27' 26"					F-48-81-D-b
miếu An Lạc	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 19"	106° 27' 49"					F-48-81-D-d
Miếu Thượng	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 51"	106° 28' 02"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Tiên Phong	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 49"	106° 27' 53"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Tiên Phong - Vĩnh Phong	KX	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 35"	106° 28' 10"					F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Tiên Phong	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b,
thôn Bảo Ngải	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 01"	106° 33' 58"					F-48-82-C-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 53"	106° 34' 40"					F-48-82-C-a
thôn Dương Am	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 34' 08"					F-48-82-C-a
thôn Dương Tiên	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 35"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
thôn Ngải Đông	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 41"	106° 33' 49"					F-48-82-C-a
thôn Trán Bắc	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 27"	106° 34' 35"					F-48-82-C-a
thôn Trán Hải	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 37"	106° 34' 47"					F-48-82-C-a
thôn Trán Nam	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 24"	106° 34' 43"					F-48-82-C-a
thôn Vĩnh Dương	DC	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 03"	106° 34' 09"					F-48-82-C-a
bến đò Bầu	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 31"	106° 34' 36"					F-48-82-C-a
bến đò Đền	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 40' 03"	106° 34' 59"					F-48-82-C-a
chùa Quang Long	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 47"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Thái	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a
Đền Thái	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 25"	106° 34' 34"					F-48-82-C-a
đình Trán Dương	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 48"	106° 34' 01"					F-48-82-C-a
Đường tỉnh 17	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"	F-48-82-C-a
Miếu U	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 40"	106° 34' 32"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Trán Dương	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 46"	106° 33' 57"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Trán Dương	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 34"	106° 33' 50"					F-48-82-C-a
từ đường họ Phạm Văn	KX	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 06"	106° 34' 00"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c
sông Thái Bình	TV	xã Trán Dương	H. Vĩnh Bảo			20° 45' 43"	106° 31' 03"	20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
Thôn 1	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 04"	106° 27' 28"					F-48-81-D-b
Thôn 2	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 15"	106° 27' 14"					F-48-81-D-b
Thôn 3	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 27"	106° 27' 50"					F-48-81-D-b
Thôn 4	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 35"	106° 27' 55"					F-48-81-D-b
Thôn 5	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 28' 01"					F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 10"	106° 27' 39"					F-48-81-D-b
Thôn 7	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 06"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
Thôn 8	DC	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 59"	106° 26' 51"					F-48-81-D-b
chùa Áng Dương	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 40"	106° 27' 47"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Áng Ngoại	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 15"	106° 27' 12"					F-48-81-D-b
đình Áng Dương	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
đình Áng Ngoại	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 11"	106° 27' 22"					F-48-81-D-b
đình Cung Chúc	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 19"	106° 27' 38"					F-48-81-D-b
đò Hữu Trung	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 25"	106° 27' 31"					F-48-81-D-b
Đường tỉnh 17B	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 23"	106° 27' 12"	20° 39' 57"	106° 26' 51"	F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Trung Lập	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 42"	106° 27' 45"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Trung Lập	KX	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 41"	106° 27' 43"					F-48-81-D-b
Sông Luộc	TV	xã Trung Lập	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 45' 48"	106° 31' 05"	F-48-81-D-b
Thôn 1	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 28"	106° 28' 59"					F-48-81-D-b
Thôn 2	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 31"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b
Thôn 3	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 31"	106° 28' 39"					F-48-81-D-b
Thôn 4	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 05"	106° 28' 57"					F-48-81-D-b
Thôn 5	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 08"	106° 28' 49"					F-48-81-D-b
Thôn 6	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 13"	106° 28' 41"					F-48-81-D-b
Thôn 7	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 29"	106° 28' 53"					F-48-81-D-b
Thôn 8	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 29"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Thôn 9	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Thôn 10	DC	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 52"	106° 29' 17"					F-48-81-D-b
cầu An Ninh	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 29' 27"					F-48-81-D-b
chùa Tầm Thượng	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 28' 27"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b
Miếu Ngà	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 36"	106° 29' 00"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 10	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Việt Tiến	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 12"	106° 28' 55"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Việt Tiến	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 14"	106° 29' 01"					F-48-81-D-b
Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu	KX	xã Việt Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 43"	106° 29' 42"					F-48-81-D-b
cụm dân cư Số 6	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 49"	106° 30' 45"					F-48-82-C-a
cụm dân cư Số 7	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 24"	106° 29' 44"					F-48-81-D-b
thôn An Cầu	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 07"	106° 30' 07"					F-48-82-C-a
thôn An Ninh	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 43"	106° 29' 34"					F-48-81-D-b
thôn Đông Hồng	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 53"	106° 30' 12"					F-48-82-C-a
thôn Kim Ngân	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 50"	106° 30' 09"					F-48-82-C-a
thôn Thiết Tranh	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 24"	106° 30' 04"					F-48-82-C-a
xóm Cầu Thượng	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 08"	106° 29' 48"					F-48-81-D-b
xóm Mỹ Phong	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 41"	106° 29' 38"					F-48-81-D-b
xóm Quang Trung	DC	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 45"	106° 29' 28"					F-48-81-D-b
cầu An Ninh	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 39"	106° 29' 27"					F-48-81-D-b
Chợ Cầu	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 17"	106° 29' 39"					F-48-81-D-b
chùa Kim Ngân	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 55"	106° 30' 06"					F-48-82-C-a
đình Kim Ngân	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 43' 54"	106° 30' 06"					F-48-82-C-a
Khu công nghiệp Tân Liên	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo	20° 42' 17"	106° 29' 22"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Quốc lộ 10	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 16"	106° 29' 54"	20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Vĩnh An	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 16"	106° 29' 54"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh An	KX	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 19"	106° 29' 52"					F-48-81-D-b
sông Thái Bình	TV	xã Vĩnh An	H. Vĩnh Bảo									
cụm dân cư Số 12	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 01"	106° 25' 19"			20° 37' 30"	106° 38' 25"	F-48-82-C-a
cụm dân cư Số 5	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 55"	106° 25' 00"					F-48-81-D-b
thôn 3 - 1	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 25"	106° 25' 03"					F-48-81-D-b
thôn 4 - 2	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 35"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
Thôn Gáo	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 30"	106° 25' 51"					F-48-81-D-b
thôn Lô Đông	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 30"	106° 25' 17"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Lễ	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 26"	106° 26' 13"					F-48-81-D-b
Xóm Trung	DC	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 25"	106° 26' 29"					F-48-81-D-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 37"	106° 25' 59"					F-48-81-D-b
chợ Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 38"	106° 26' 01"					F-48-81-D-b
chùa Lô Đông	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 27"	106° 25' 16"					F-48-81-D-b
đình Hà Hương	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 35"	106° 25' 48"					F-48-81-D-b
Đò Xưa	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 32"	106° 25' 06"					F-48-81-D-b
Quốc lộ 37	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo					20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"	F-48-81-D-b
Trường Mầm non Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 32"	106° 25' 26"					F-48-81-D-b
Trường Tiểu học Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 33"	106° 25' 41"					F-48-81-D-b
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 42' 31"	106° 25' 28"					F-48-81-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Long	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-b
thôn 1 Phần Thượng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 13"	106° 28' 08"					F-48-81-D-d
thôn 2 Lý Nhân	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 05"	106° 28' 13"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 3	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 50"	106° 28' 35"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 4	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 47"	106° 28' 43"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 5	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 41"	106° 28' 45"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 6	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 42"	106° 28' 34"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 7	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 10"	106° 28' 26"					F-48-81-D-d
thôn Quán Khái 8	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 29"	106° 29' 01"					F-48-81-D-d
chùa Lý Nhân	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 08"	106° 28' 09"					F-48-81-D-d
đình Quán Khái	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 47"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
Đò Phần	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 57"	106° 27' 45"					F-48-81-D-d
đò Quán Khái	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 35' 57"	106° 28' 30"					F-48-81-D-d
Trường Tiểu học Vĩnh Phong	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 49"	106° 28' 29"					F-48-81-D-d
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Phong	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo	20° 36' 52"	106° 28' 29"					F-48-81-D-d
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-81-D-d
thôn Cúc Phố	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 23"	106° 29' 40"					F-48-81-D-b
thôn Hu Trì	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 29' 29"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Giá	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 46"	106° 28' 18"					F-48-81-D-b
thôn Nhân Mỹ	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 44"	106° 28' 40"					F-48-81-D-b
thôn Thượng Điện	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 46"	106° 29' 12"					F-48-81-D-b
Cầu Đồng	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 57"	106° 30' 36"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Đình Nghè	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 36"	106° 29' 18"						F-48-81-D-b	
đình Thượng Điện	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 52"	106° 29' 11"						F-48-81-D-b	
miếu Ba Vua	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 54"	106° 28' 10"						F-48-81-D-b	
miếu Cúc Phó	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 18"	106° 29' 40"						F-48-81-D-b	
Quốc lộ 10	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"		F-48-81-D-b	
Quốc lộ 37	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 37' 35"	106° 32' 33"		F-48-82-C-a	
Trường Tiểu học Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 41"	106° 29' 05"						F-48-81-D-b	
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Quang	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo	20° 39' 39"	106° 29' 09"						F-48-81-D-b	
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"		F-48-81-D-b	
Thôn 1	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 28"	106° 33' 08"						F-48-82-C-a	
Thôn 2	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 34"	106° 33' 19"						F-48-82-C-a	
Thôn 3	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 46"	106° 33' 27"						F-48-82-C-a	
Thôn 4	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 33' 35"						F-48-82-C-a	
Thôn 5	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 37' 56"	106° 33' 57"						F-48-82-C-a	
Cầu Bào	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 36"	106° 33' 36"						F-48-82-C-a	
Chợ Bào	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 50"	106° 33' 28"						F-48-82-C-a	
chùa Đông Pha	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 32"	106° 33' 26"						F-48-82-C-a	
chùa Tây Ngự	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 30"	106° 33' 02"						F-48-82-C-a	
Đường tỉnh 17	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 38' 15"	106° 35' 23"	20° 38' 40"	106° 32' 41"		F-48-82-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Tiên Am	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 42"	106° 33' 13"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Vĩnh Tiến	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 31"	106° 33' 23"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Tiến	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo	20° 38' 40"	106° 33' 11"					F-48-82-C-a
kênh Chanh Dương (sông Chanh Dương)	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 41' 10"	106° 28' 46"	20° 38' 13"	106° 35' 27"	F-48-81-D-b
Sông Hoá	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Vĩnh Bảo			20° 43' 46"	106° 24' 20"	20° 38' 26"	106° 35' 56"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa